

CÔNG BỐ THÔNG TIN

v/v công bố Báo cáo thường niên niên độ 2018 - 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC NIÊM YẾT:

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG
2. Tên chứng khoán : Trái phiếu TTCE062022 và TTCE122022
3. Mã chứng khoán : TCE11721 và TCE11723
4. Địa chỉ trụ sở chính: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM
5. Điện thoại : (84) 28 39 484 860 Fax: (84 8) 28 39 484 861
6. Website : www.ttcedu.vn
7. Người công bố thông tin : DƯƠNG THỰC LINH
8. Chức vụ : Tổng Giám đốc
9. Loại thông tin công bố: Công bố thông tin định kỳ

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Công ty Cổ phần Giáo Dục Thành Thành Công công bố Báo cáo thường niên niên độ 2018 – 2019. Nội dung chi tiết báo cáo trong file đính kèm.

Đính kèm:

- Báo cáo thường niên Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công niên độ 2018 - 2019

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)



DƯƠNG THỰC LINH



TTC EDU

Báo cáo thường niên
2018 - 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG



YÊU THƯƠNG - TÔN TRỌNG - TRÁCH NHIỆM



CHƯƠNG TRÌNH HỌC
CHĂM DƯỠNG

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

CƠ SỞ VẬT CHẤT

KẾT NỐI

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Lầu 15, Tòa nhà Thành Thành Nam, 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

T: (+84) 28 3948 4865 | E: info@TTC Edu.vn | W: www.TTC Edu.vn

MỤC LỤC

1

Ý NGHĨA LOGO GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- 1.1. Ý nghĩa logo
- 1.2. Giá trị cốt lõi
- 1.3. Mục tiêu giáo dục

2

THÔNG ĐIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông điệp của Hội đồng Quản trị

3

TỔNG QUAN CÔNG TY

- 3.1 Thông tin chung
- 3.2 Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động

4

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

- 4.1 Tình hình hoạt động kinh doanh
- 4.2 Tổ chức và nhân sự
- 4.3 Tình hình tài chính Công ty
- 4.4 Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- 4.5 Cơ cấu cổ đông
- 4.6 Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị
- 4.7 Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc
- 4.8 Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm toán nội bộ

5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3

3

4

14

27

34

37

40

44

44

45

46

48

51

54

10

54



1

Ý NGHĨA LOGO GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1.1. Ý nghĩa logo	6
1.2. Giá trị cốt lõi	6
1.3. Mục tiêu giáo dục	7



Ý nghĩa logo

Tổng thể Logo được thiết kế dựa trên hình tượng một búp hoa đang chuẩn bị hé nở. Với đài hoa cách điệu từ hình ảnh đôi bàn tay đang nâng niu mầm hoa TTC Edu được ví như những thế hệ tri thức trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước. Búp hoa ấy đang chờ ngày bùng nở, khoe sắc và tỏa hương bởi nhờ vào sự vun đắp, bồi dưỡng từ Hệ thống giáo dục hiện đại của TTC Edu. Búp hoa TTC Edu ấy cũng giống như ngọn lửa đam mê, nhiệt huyết và khát vọng mà các thầy cô giáo đang muốn truyền cảm hứng cho thế hệ học trò của mình.

Dựa trên ý nghĩa ấy, Logo nhấn mạnh vào sứ mệnh và mục tiêu của Hệ thống Giáo dục TTC Edu (gọi tắt là "TTC Edu"): Tạo môi trường và điều kiện tối ưu để chăm sóc, giáo dục các thế hệ trẻ chuẩn bị kiến thức - kỹ năng - tư duy vững vàng bước vào cuộc sống, xây dựng nền tảng tương lai và trở thành những công dân toàn cầu xuất sắc.

Giá trị cốt lõi

YÊU THƯƠNG:

Chúng tôi tin rằng sự quan tâm, chia sẻ chính là nguồn gốc để tạo ra môi trường học tập và làm việc an toàn, tràn ngập tình yêu thương. Tình yêu thương tạo nên sức mạnh gắn kết, sự bao dung, kiên nhẫn và là nền tảng văn hóa tổ chức tốt đẹp.

TÔN TRỌNG:

Chúng tôi tin rằng tôn trọng bản thân và tôn trọng lẫn nhau, đi cùng với sự cam kết chính là điều kiện để có được môi trường học tập, hợp tác lành mạnh, bình đẳng trên nền tảng tinh thần làm việc nhóm vì sự phát triển bền vững của tổ chức.

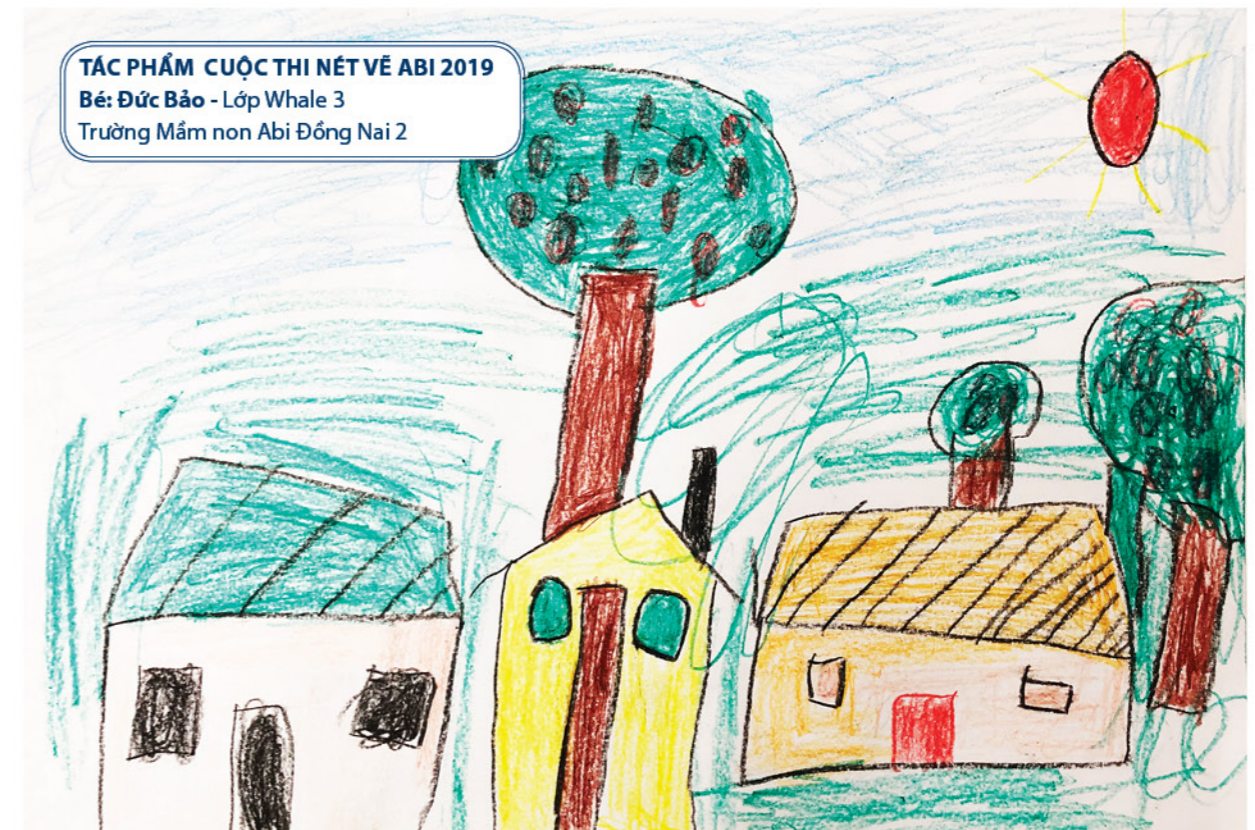
TRÁCH NHIỆM:

Chúng tôi tin rằng tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, với tổ chức và cộng đồng là một giá trị then chốt giúp chúng tôi tạo ra những thay đổi tích cực. Tinh trách nhiệm giúp chúng tôi trở thành những người sẵn sàng học hỏi, chủ động và sáng tạo để thực hiện những mục tiêu đã đặt ra.

Mục tiêu giáo dục

TTC Edu xác định rõ mục tiêu giáo dục kiến tạo môi trường giáo dục cho những CÔNG DÂN TOÀN CẦU. Cụ thể, học sinh tại Hệ thống Giáo dục TTC Edu sẽ được:

- Trang bị kiến thức: theo năng lực định hướng nghề nghiệp trở thành những nhà chế tác, nhà nghiên cứu hay nhà hoạt động xã hội
- Rèn luyện kỹ năng hướng đến hoàn thiện các nhóm năng lực tự nhận thức, tự quản lý, nhận thức xã hội, tạo dựng mối quan hệ và ra quyết định có trách nhiệm.
- Hình thành tư duy tích cực, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo.





2

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông điệp của Hội đồng Quản trị



Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác,
Kính thưa Quý Phụ huynh và các em Học sinh - Sinh viên toàn hệ thống,

Niên độ 2018-2019, kiên trì thực hành 3 giá trị cốt lõi **“Yêu thương - Tôn trọng - Trách nhiệm”**, TTC Edu đã có những bước chuyển mình quan trọng về tăng trưởng quy mô cơ sở, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, hiệu quả hoạt động. Cùng với đó, TTC Edu tăng cường hoạt động mở rộng hợp tác với các tổ chức giáo dục uy tín quốc tế, tạo cơ hội tốt để học sinh - sinh viên được tiếp cận các môi trường quốc tế, phương pháp giáo dục hiện đại, qua đó mang lại nhiều giá trị cho tổ chức lẫn học sinh - sinh viên cũng như đội ngũ nhân sự.

Thị trường giáo dục Việt Nam đầy tiềm năng. Với sứ mệnh **“Vi cộng đồng thắp sáng ước mơ”**, các cơ sở của Hệ thống Giáo dục TTC Edu được tái đầu tư về cơ sở vật chất, xây dựng chương trình học tập tiên tiến và phát triển đội ngũ nhân sự yêu ngành - giới nghề để mang đến cho học sinh - sinh viên cơ hội được trải nghiệm và tận hưởng một môi trường giáo dục chất lượng, hiện đại.

Đầu niên độ 2019-2020, toàn hệ thống đã phát triển 22 cơ sở giáo dục xuyên suốt từ bậc Mầm non đến Đại học, trung tâm ngoại ngữ, học viện với hơn 17.000 HS-SV và đội ngũ nhân sự hơn 1.900 CBGVNV được sinh hoạt trong môi trường giáo dục đầy những trải nghiệm thú vị, hạnh phúc, an toàn và phát huy tốt nhất mọi tiềm năng và khả năng. Cùng với đó, TTC Edu xác định rõ mục tiêu giáo dục: **Kiến tạo môi trường học tập cho những công dân toàn cầu**. Đây được xem là định hướng song hành cùng nhu cầu của thời đại, thể hiện tinh thần không ngừng học hỏi và thay đổi tích cực của những người làm giáo dục tại TTC Edu. Theo đó, TTC Edu tiếp tục được vận hành thông qua 4 trụ cột chất lượng của hoạt động giáo dục bao gồm: **“Chương trình học - Chăm dưỡng, Cơ sở vật chất, Đội ngũ nhân sự, Kết nối”** mà ở đó, tinh thần **“Yêu thương - Tôn trọng - Trách nhiệm”** luôn được tâm niệm, thấu cảm và thực hành.

Niên độ 2019-2020, TTC Edu sẽ tiếp tục phát triển vững mạnh và tăng trưởng vượt bậc về mọi mặt trong hiệu quả hoạt động, số lượng học sinh - sinh viên và quy mô cơ sở, chất lượng dịch vụ, chuyên nghiệp hóa trong mọi hoạt động và tiếp tục khẳng định uy tín, chất lượng giáo dục. Với lòng quyết tâm, sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ, chúng tôi tin rằng TTC Edu sẽ tiếp tục phát triển bền vững và đóng góp vào công tác xã hội hóa giáo dục tại Việt Nam.

Chúng tôi cảm ơn Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý phụ huynh và các em Học sinh - Sinh viên đã lựa chọn dịch vụ và đồng hành TTC Edu trong hành trình đã qua và sắp đến. Trân trọng gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng./.

Đầu niên độ 2019-2020, toàn hệ thống đã phát triển 22 cơ sở giáo dục xuyên suốt từ bậc Mầm non đến Đại học, trung tâm ngoại ngữ, học viện với hơn 17.000 HS-SV và đội ngũ nhân sự hơn 1.900 CBGVNV



Sứ mệnh

- Ngôi trường hạnh phúc
- Phát triển bền vững



Giá trị cốt lõi

Yêu thương - Tôn trọng - Trách nhiệm



CUỘC THI NÉT VẼ ABI 2019

Tác phẩm: Bé yêu biển lắm

Nhóm: Beloved Ocean

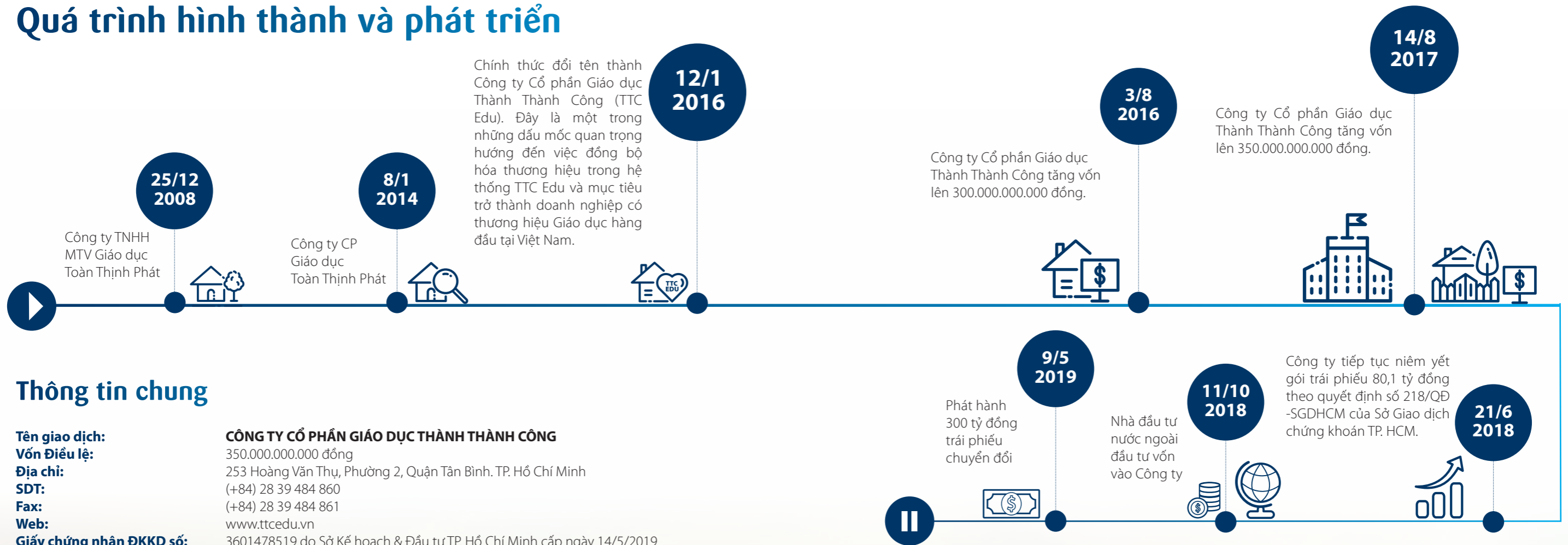
Trường Mầm non quốc tế Abi Bình Dương

3

TỔNG QUAN CÔNG TY

- 3.1. Thông tin chung 14
- 3.2. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động 27

Quá trình hình thành và phát triển



Thông tin chung

Tên giao dịch:

Vốn Điều lệ:

Địa chỉ:

SDT:

Fax:

Web:

Giấy chứng nhận ĐKKD số:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

350.000.000.000 đồng

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình. TP. Hồ Chí Minh

(+84) 28 39 484 860

(+84) 28 39 484 861

www.ttc.edu.vn

3601478519 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/5/2019 (đăng ký thay đổi lần thứ 18).



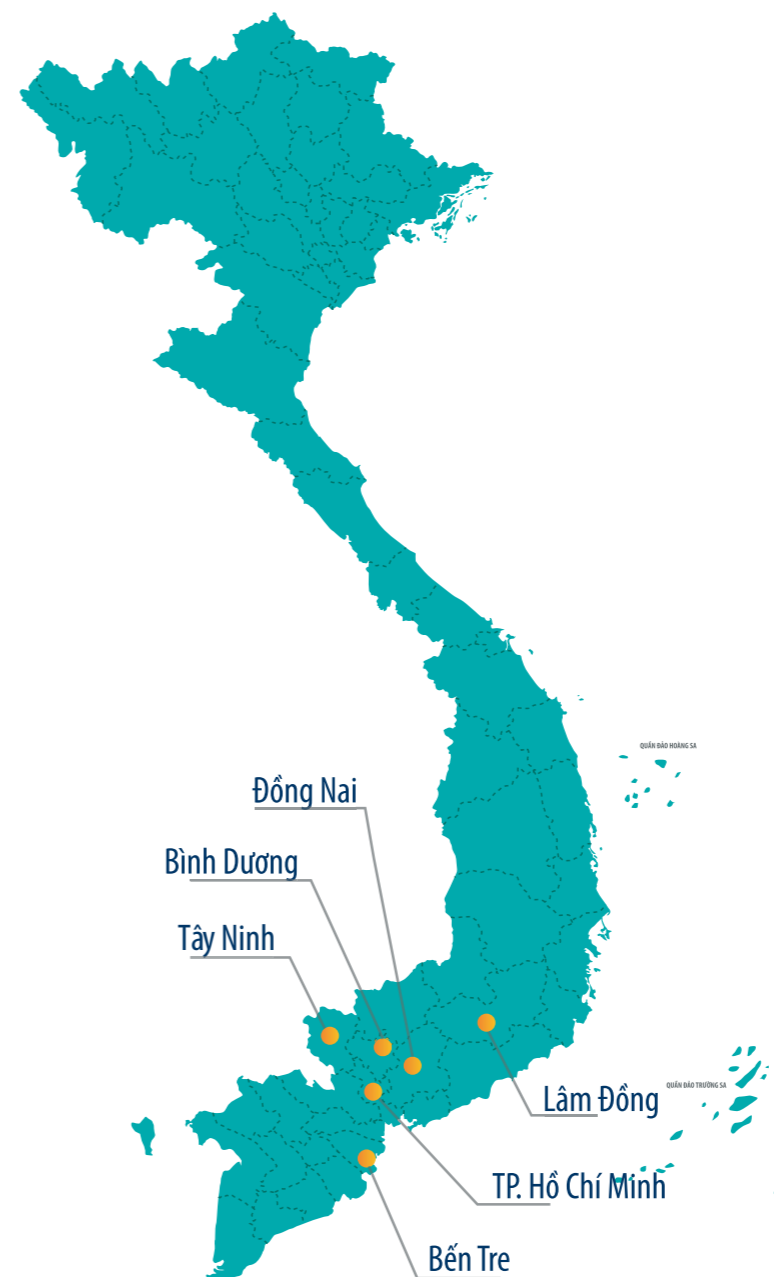
Quá trình thành lập



Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

STT	TÊN NGÀNH	MÃ
1	Giáo dục mẫu giáo (CPC 9211)	8512
2	Giáo dục tiểu học (CPC 921)	8521
3	Giáo dục trung học cơ sở (CPC 9221) (không hoạt động tại trụ sở).	8522
4	Giáo dục trung học phổ thông (CPC 9221) (không hoạt động tại trụ sở).	8523 (Chính)
5	Đào tạo sơ cấp Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở). Chi tiết: Đào tạo trong các lĩnh vực kỹ thuật, khoa học tự nhiên và công nghệ, quản trị kinh doanh và khoa học kinh doanh, kinh tế học, kế toán, luật quốc tế và đào tạo ngôn ngữ (CPC 9223, 9231)	8531
6	Đào tạo trung cấp Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở). Chi tiết: Đào tạo trong các lĩnh vực kỹ thuật, khoa học tự nhiên và công nghệ, quản trị kinh doanh và khoa học kinh doanh, kinh tế học, kế toán, luật quốc tế và đào tạo ngôn ngữ (CPC 9223, 9231)	8532
7	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở). (CPC 9223, 9231)	8532
8	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ, tin học (CPC 9240, 929)	8533
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Theo Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810
10	Giáo dục nhà trẻ	8511
11	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá về việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8560

Mạng lưới hoạt động



10 TRƯỜNG MẦM NON

8 TRƯỜNG PHỔ THÔNG

2 TRƯỜNG CĐ - ĐH

2 TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, HỌC VIỆN

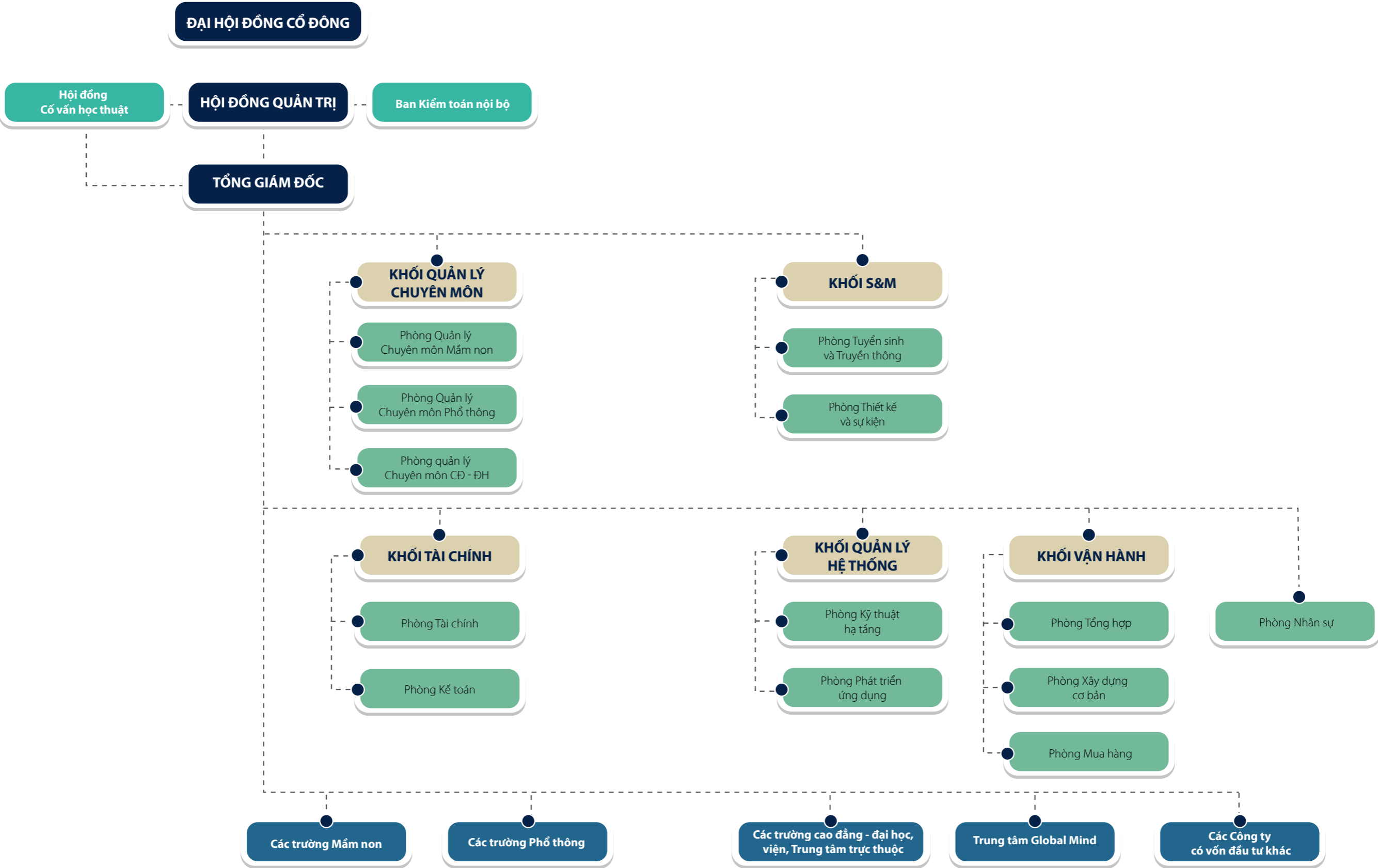
Hệ thống Giáo dục TTC Edu với 22 cơ sở giáo dục xuyên suốt từ bậc Mầm non đến Đại học, trung tâm ngoại ngữ, học viện tại TP. HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bến Tre, Lâm Đồng, Tây Ninh.

Niên độ 2018 - 2019, Hệ thống có hơn 15.400 Học sinh - Sinh viên và đội ngũ 1.700 Cán bộ - Nhân viên - Giáo viên - Giảng viên.

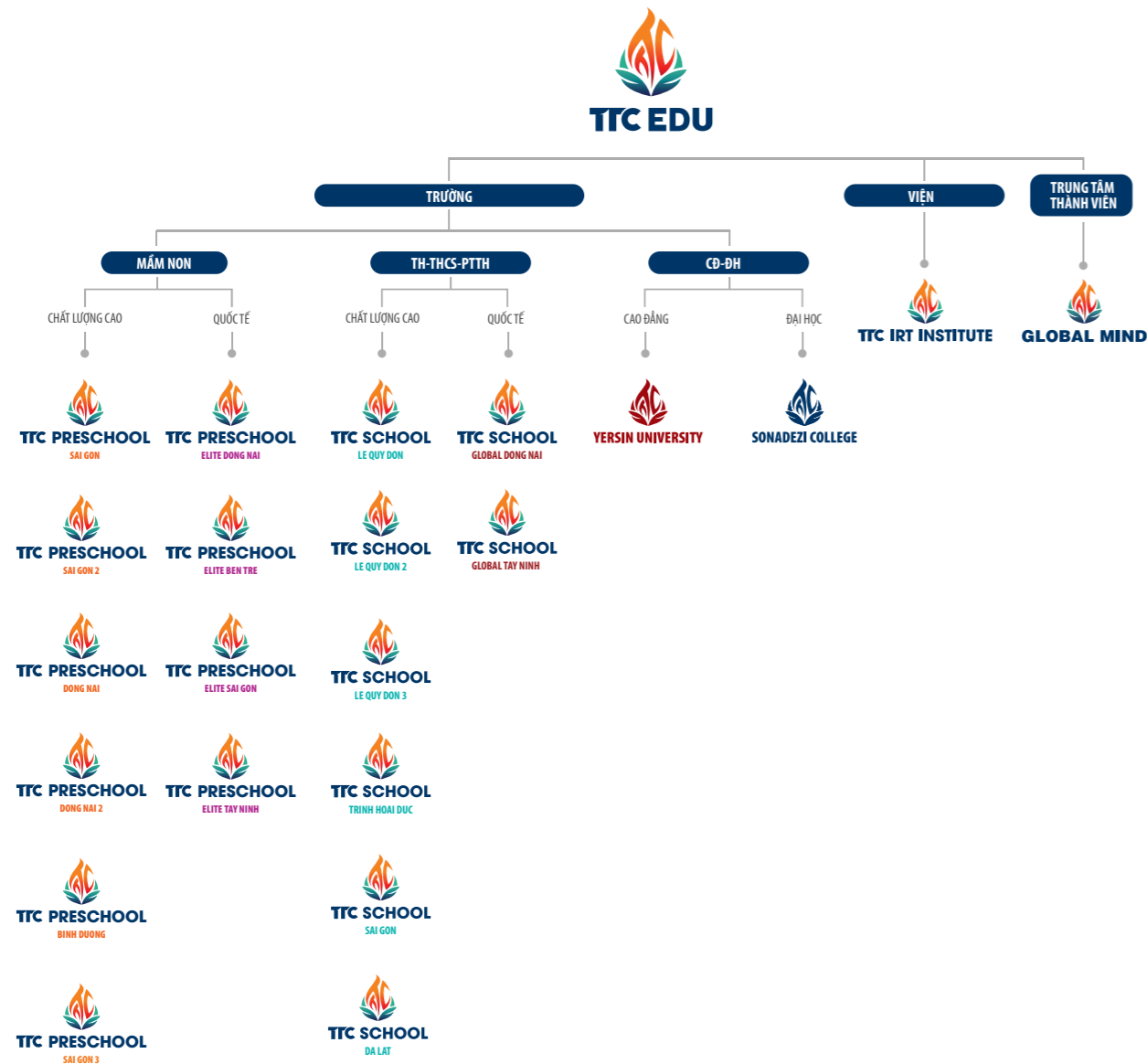
- TP. HỒ CHÍ MINH**
- Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn
 - Trường Mầm non TTC Sài Gòn
 - Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2
 - Trường Mầm non TTC Sài Gòn 3
 - Trường TH-THCS-THPT Tân Phú
 - Viện nghiên cứu và đào tạo quốc tế TTC
- BÌNH DƯƠNG**
- Trường Mầm non Quốc tế Abi Bình Dương
- LÂM ĐỒNG**
- Trường THPT Yersin Đà Lạt
 - Trường Đại học Yersin Đà Lạt
- BẾN TRE**
- Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre
- TÂY NINH**
- Trường TH-THCS-THPT TTC Tây Ninh
 - Trường Mầm non TTC Tây Ninh

- ĐỒNG NAI**
- Trường Mầm non Tư thực Quốc tế Abi Đồng Nai
 - Trường Mầm non Abi Đồng Nai
 - Trường Mầm non Abi Đồng Nai 2
 - Trường TH-THCS-THPT Thái Bình Dương
 - Trường THPT Lê Quý Đôn
 - Trường TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng
 - Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân
 - Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức
 - Trường Cao đẳng CN&QT Sonadezi
 - Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư Duy Toàn Cầu TTC

Thông tin về mô hình quản trị



Hệ thống các Trường, Viện, Trung tâm



STT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY
I TRƯỜNG THÀNH VIÊN			
1	Trường Đại học Yersin Đà Lạt	27 Tôn Thất Tùng, Phường 8, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng	87.87%
2	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Số 1 Đường 6A, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	60%
3	Trường THPT Lê Quý Đôn	79/393A Phạm Văn Thuận, P. Tân Mai, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
4	Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	20 Hưng Đạo Vương, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
5	Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	Số 1 Đường 6A, KCN Biên Hòa II, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
6	Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	519 Kênh Tân Hóa, P. Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	100%
7	Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	Ấp Quảng Lộc, Xã Quảng Tiến, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai.	100%
8	Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	Hẻm 89, Khu phố 1, Hưng Đạo Vương, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
9	Trường THPT Yersin Đà Lạt	Số 1 Tôn Thất Tùng, Phường 8, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng	100% vốn ĐH Yersin Đà Lạt
10	Trường TH-THCS-THPT TTC Tây Ninh	Chánh Môn A, Khu phố 1, Phường 4, TP. Tây Ninh, Tây Ninh	100%
11	Trường Mầm non Tư thực Quốc tế Abi Đồng Nai	Hẻm 89, Khu phố 1, Hưng Đạo Vương, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
12	Trường Mầm non Abi Đồng Nai	130 Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
13	Trường Mầm non Abi Đồng Nai 2	Lô E Đường số 3, KDC An Bình, P. Bình An, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
14	Trường Mầm non Quốc tế Abi Bình Dương	Khu phố 7, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	100%

STT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY
I TRƯỜNG THÀNH VIÊN			
15	Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre	Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP. Bến Tre, Bến Tre	100%
16	Trường Mầm non TTC Sài Gòn	1 Trần Văn Danh, Phường 13, Quận Tân Bình. TP. Hồ Chí Minh	100%
17	Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	Chung cư Đặng Thành, 27 Trịnh Đình Thảo, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	100%
18	Trường Mầm non TTC Sài Gòn 3	Jamona City, Đường Đào Trí, P. Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	100%
19	Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn	590 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%
20	Trường Mầm non TTC Tây Ninh	Chánh Môn A, Khu phố 1, Phường 4, TP. Tây Ninh, Tây Ninh	100%
II TRUNG TÂM/VIỆN			
1	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư Duy Toàn Cầu TTC	154/20 Hưng Đạo Vương, Khu phố 1, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%
2	Viện nghiên cứu và đào tạo Quốc tế TTC	62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận. TP. Hồ Chí Minh	100% vốn ĐH Yersin Đà Lạt
III CÔNG TY CON			
1	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Đồng Nai	130 QL 1A, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	89.83%
2	Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	590 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%
3	Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	100%
4	Công ty TNHH MTV Học viện TTC	Số 1 Đường 6A, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100%

Giới thiệu Hội đồng Quản trị



Bà **Tangbokod Peunchob**

Chủ tịch HĐQT



Bà **Đặng Huỳnh Ước My**

Thành viên HĐQT



Ông **Nguyễn Đăng Hiếu**

Thành viên HĐQT



Ông **Phạm Kiến Cường**

Thành viên HĐQT

Giới thiệu Ban Điều hành



Bà **Dương Thục Linh**

Tổng Giám đốc



Ông **Đinh Hoàng Triều**

Phó Tổng Giám đốc Thường trực



Ông **Nguyễn Danh Hiếu**

Kế toán trưởng



Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Thay đổi về điều kiện kinh tế có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và hướng dẫn phân bổ các nguồn lực. Một số trong các biện pháp này có thể mang lại lợi ích cho tổng thể nền kinh tế Việt Nam nhưng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Mức độ lạm phát cao và lãi suất cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Mức độ lạm phát: CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017 và tăng 2,98% so với tháng 12 năm 2017. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2018 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2018.

Về mặt bằng lãi suất: lãi suất tiền gửi bình quân tăng từ 5,11% năm 2017 lên 5,25% năm 2018. Lãi suất cho vay bình quân năm 2018 là khoảng 8,91%, năm 2017 là 8,86%.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Lĩnh vực giáo dục - đào tạo được Nhà nước hỗ trợ nhiều về các chính sách quản lý, đường lối phát triển cũng như các ưu đãi về thuế trong thời gian qua. Tuy nhiên, những thay đổi về pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Những thay đổi trong hệ thống pháp lý về Giáo dục - Đào tạo có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty:

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Nghề nghiệp, Luật Giáo dục Đại học, v.v... và các quy định, quy chế có liên quan đến hoạt động giáo dục các cấp.

Việt Nam đã cố gắng xây dựng môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành Giáo dục được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi,



cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Luật thuế Việt Nam thay đổi:

Tất cả các luật và quy định về các khoản thuế chính ở Việt Nam (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, phí bản quyền) đã thay đổi đáng kể kể từ ngày 01/01/2009 và vẫn đang tiếp tục được bổ sung và làm rõ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thu và nộp thuế.

RỦI RO NGÀNH

Công ty phải chịu rủi ro trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo

Để xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo mới, Công ty chịu ảnh hưởng lớn của giá cả thị trường về nguyên vật liệu, nhất là xi măng và sắt thép là hai mặt hàng phụ thuộc vào cung và cầu trong nước và quốc tế, thuế nhập khẩu/xuất khẩu, thuế trong nước và các yếu tố khác vượt quá khả năng kiểm soát của Công ty.

Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp tại một số tỉnh thành Việt Nam gây ảnh hưởng đến hoạt động trường học.

Thành công của mỗi lĩnh vực kinh doanh phụ thuộc vào khả năng tiếp tục tuyển dụng hay giữ được nhân sự có kỹ năng thích hợp cho các vị trí quản lý then chốt. Thành

công của Công ty phụ thuộc khá nhiều vào kỹ năng, năng lực và nỗ lực của đội ngũ nhân sự của Công ty, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ được các nhân sự quản lý và nhân sự khác có kỹ năng phù hợp.

Để phục vụ cho hoạt động giáo dục - đào tạo, dịch vụ liên quan, Công ty phải chịu ảnh hưởng lớn của vật giá lương thực thực phẩm, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học, giá thuê bất động sản các loại thuế đánh vào những mặt hàng này và các yếu tố khác mà Công ty không thể kiểm soát được.



RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, bãi công, đảo chính, chiến tranh, v.v... là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa, dự kiến của Công ty. Các rủi ro này, nếu xảy ra, chắc chắn sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.





4

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

4.1	Tình hình hoạt động kinh doanh	34
4.2	Tổ chức và nhân sự	37
4.3	Tình hình tài chính Công ty	40
4.4	Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	44
4.5	Cơ cấu cổ đông	44
4.6	Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị	45
4.7	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	46
4.8	Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm toán nội bộ	48

10 sự kiện nổi bật năm 2018 - 2019



Ngày 25/9/2018, khánh thành trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn.



Tháng 10/2018, hoàn tất triển khai và giới thiệu cổng thông tin Abi Portal đến phụ huynh 8 trường mầm non.



Ngày 14/1/2019, khởi công dự án trường Mầm non và trường TH-THCS-THPT TTC Tây Ninh.



Học sinh trường TH-THCS-THPT Tân Phú đạt giải nhất cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học, khu vực phía Nam đề tài "Thiết kế một số dụng cụ hỗ trợ học sinh khiếm thị thực hành môn Vật lý".



Từ ngày 9/3/2019 đến ngày 21/4/2019, Khối Mầm non tổ chức thành công Cuộc thi Abi's Got Talent.



Ký kết hợp tác, thăm quan học tập với các tổ chức, cơ sở giáo dục nổi tiếng trong và ngoài nước.



Phát động chiến dịch Save Our Planet: Green and No Plastic Schools. Chương trình bắt đầu từ tháng 4.2019 đến mãi mãi về sau.



Tháng 5/2019, bùng nổ cuộc thi Master English 2019 dành cho học sinh Phổ thông toàn hệ thống và mở rộng các trường tại TP. Biên Hòa.



Tháng 5/2019, chính thức đưa vào hoạt động trường Mầm non TTC Sài Gòn 3.



Quỹ đầu tư Navis Capital trở thành đối tác chiến lược.

Tình hình hoạt động kinh doanh niên độ 2018 - 2019

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

Nội dung (triệu đồng)	Thực hiện 2017 - 2018	Kế hoạch 2018 - 2019	Thực hiện 2018 - 2019	Tỉ lệ thực hiện so với kế hoạch
Tổng doanh thu	464.001	591.141	580.942	98%
Doanh thu thuần	458.687	581.839	576.350	99%
Chi phí giá vốn	(249.964)	(351.053)	(339.684)	97%
Biên lợi nhuận gộp	46%	40%	41%	
Chi phí Sale & Marketing	(1.014)	(18.514)	(13.701)	74%
Tỷ lệ chi phí bán hàng	0%	-3%	-2%	
Chi phí quản lí	(143.159)	(137.155)	(135.449)	99%
Tỷ lệ chi phí quản lý	-31%	-24%	-24%	
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	64.549	75.116	87.517	117%
Hoạt động tài chính	(26.413)	(40.933)	(38.497)	94%
Hoạt động khác	(2.224)	(511)	(4.208)	823%
Lãi (lỗ) trước thuế	35.912	33.672	44.812	133%
Lãi (lỗ) sau thuế	27.691	24.401	34.252	140%
Biên lợi nhuận	6%	4%	6%	

Niên độ 2018 - 2019, doanh thu thuần hợp nhất Công ty đạt 576.350 triệu đồng, đạt 99% so với chỉ tiêu kế hoạch. So với niên độ 2017 - 2018, doanh thu thuần hợp nhất tăng 26%, tương đương tăng 117.663 triệu đồng.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính đạt 87.517 triệu đồng, tăng 17% so với kế hoạch và tăng 36% so với niên độ 2017 - 2018.
- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 34.252 triệu đồng, đạt 140% so với chỉ tiêu kế hoạch. So với niên độ 2017 - 2018, lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng 24%, tương đương tăng 6.561 triệu đồng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CON, TRƯỜNG THÀNH VIÊN NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Doanh thu thuần (triệu đồng)			Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		
		2017 - 2018	2018 - 2019	% tăng giảm	2017 - 2018	2018 - 2019	% tăng giảm
KHỐI MẦM NON		68.639	113.367		969	6.241	
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	100%	5.786	14.377	148%	(8)	631	
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	100%	4.351	10.238	135%	116	702	505%
Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn	100%		3.077			(2.450)	
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bình Dương	100%	17.784	22.052	24%	728	2.980	309%
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế Abi Đồng Nai	100%	17.868	18.924	6%	2.532	1.784	-30%
Trường Mầm non Abi Đồng Nai	100%	11.520	19.156	66%	117	1.870	1.498%
Trường Mầm non Abi Đồng Nai 2	100%	7.878	13.970	77%	(207)	669	
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre	100%	3.452	11.573	235%	(2.309)	55	
KHỐI PHỔ THÔNG		336.479	402.418		82.012	106.844	
Trường THPT Lê Quý Đôn	100%	91.629	44.141	-52%	29.493	6.248	-79%
Trường THCS - THPT Tân Phú	100%	64.970	74.643	15%	12.400	13.394	8%
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	100%	60.609	122.966	103%	15.774	45.483	188%
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	100%	72.824	76.471	5%	21.455	23.250	8%
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	100%	29.657	38.406	29%	2.423	6.367	163%
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	100%	16.790	40.940	144%	467	12.479	2.572%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CON, TRƯỜNG THÀNH VIÊN NIÊN ĐỘ 2018 - 2019 (tiếp theo)

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Doanh thu thuần (triệu đồng)			Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		
		2017 - 2018	2018 - 2019	% tăng giảm	2017 - 2018	2018 - 2019	% tăng giảm
Trường THPT Yersin Đà Lạt	87,87%		4.851		(377)		
KHOẢNG ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG		50.766	64.116		(1.236)	(644)	
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	87,87%	21.985	33.799	54%	(1.332)	249	
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	60%	28.781	30.317	5%	96	(893)	
CÁC ĐƠN VỊ KHÁC		4.290	4.239		(498)	(3.358)	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	89,83%	2.822	1.913	-32%	(207)	152	
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	100%	-	540		(1)	(1.499)	
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư Duy Toàn Cầu TTC	100%	1.468	1.212	-17%	40	(855)	
Viện nghiên cứu và đào tạo quốc tế TTC	87,87%		574		(153)		
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	100%	-			(20)	(669)	
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	100%				(310)	(333)	

So với niên độ 2017 - 2018, các chỉ số liên quan đến doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của các khối đều đạt mức tăng trưởng tốt cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần khối Mầm non tăng 65% nhờ vào việc duy trì tuyển sinh của các trường hiện hữu và sự đóng góp của hai trường mới. Trường Mầm non TTC Sài Gòn Cao cấp năm đầu tiên hoạt động và trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre đạt được sự tăng trưởng vượt bậc trong năm thứ hai vận hành.
- Doanh thu thuần khối phổ thông tăng 20%, lợi nhuận sau thuế toàn khối tăng 30%. Trong đó, Trường TH THCS THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng là đơn vị đóng góp lớn nhất đối với sự tăng trưởng nói trên.
- Doanh thu thuần khối Cao đẳng - Đại học tăng 26% nhờ vào sự nỗ lực duy trì số lượng tuyển sinh trong môi trường cạnh tranh và rút ngắn thời gian học thông qua chương trình đào tạo 3 học kỳ/năm.
- Các đơn vị khác chủ yếu là các Công ty dự án nên chưa đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của toàn hệ thống.

Tổ chức và nhân sự niên độ 2018 - 2019

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 30/6/2019

Stt	Ban điều hành	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1.	<p>Tổng Giám đốc: Bà DƯƠNG THỰC LINH Ngày sinh: 21/01/1982 Nơi sinh: Lâm Đồng Địa chỉ thường trú: 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh</p>	0%
2.	<p>Phó Tổng Giám đốc Thường trực: Ông ĐINH HOÀNG TRIỀU Ngày sinh: 30/4/1985 Nơi sinh: Đồng Nai Địa chỉ thường trú: 113L Chung cư Nguyễn Kim, Phường 7, Quận 10, TP. HCM Trình độ chuyên môn: Kỹ sư</p>	0%
3.	<p>Kế toán trưởng: Ông NGUYỄN DANH HIẾU Ngày sinh: 10/12/1988 Nơi sinh: TP. HCM Địa chỉ thường trú: B70/ 26 Nguyễn Thần Hiến, Phường 18, Quận 4, TP. HCM Trình độ chuyên môn: Cử nhân</p>	0%



DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày thôi nhiệm
1.	Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc	01/2/2018	31/7/2018
2.	Dương Thục Linh	Phó Tổng Giám Đốc Thường trực	01/01/2018	31/7/2018
3.	Đình Hoàng Triều	Phó Tổng Giám đốc	03/3/2018	31/7/2018
4.	Trần Anh Vinh Thịnh	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	3/3/2018	28/2/2019
5.	Dương Thục Linh	Tổng Giám đốc	31/7/2018	
6.	Đình Hoàng Triều	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	31/7/2018	

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ - NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	132	100%
1	Trình độ trên đại học	30	23%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	101	77%
3	Trình độ trung cấp	0	0%
4	Lao động phổ thông	1	1%
II	Loại hợp đồng lao động	99	75%
1	Hợp đồng không thời hạn	8	6%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	91	69%
III	Theo giới tính	132	100%
1	Nam	58	44%
2	Nữ	74	56%

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



Chính sách lương thưởng được đánh giá dựa vào năng suất lao động của CB-NV và hiệu quả của hoạt động giáo dục - đào tạo và các dịch vụ liên quan; đảm bảo có sự công bằng, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật. Đồng thời, chính sách lương thưởng được quy định cụ thể trong Quy chế tiền lương, Quy chế Đánh giá thi đua khen thưởng kỷ luật và Thỏa ước lao động tập thể cũng như phổ biến sâu rộng đến từng người lao động trong Công ty.



Tình hình tài chính Công ty niên độ 2018 - 2019

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Năm 2017 - 2018	Năm 2018 - 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	848.968	1.169.408	38%
Doanh thu thuần	458.687	576.350	26%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	38.136	49.019	29%
Lợi nhuận khác	(2.224)	(4.208)	
Lợi nhuận trước thuế	35.912	44.812	25%
Lợi nhuận sau thuế	27.691	34.252	24%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	



TỔNG TÀI SẢN CỦA TRƯỜNG THÀNH VIÊN, CÔNG TY CON NIÊN ĐỘ 2018 - 2019

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tổng tài sản (triệu đồng)		
		Năm 2017 - 2018	Năm 2018 - 2019	% tăng giảm
KHỐI MẦM NON				
Trường Mầm non TTC Sài Gòn	100%	2.302	2.819	22%
Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	100%	2.172	3.467	60%
Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn	100%		7.754	
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bình Dương	100%	4.521	6.246	38%
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế Abi Đồng Nai	100%	3.791	4.819	27%
Trường Mầm non Abi Đồng Nai	100%	6.431	7.363	14%
Trường Mầm non Abi Đồng Nai 2	100%	2.588	3.433	33%
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre	100%	2.780	12.598	353%
KHỐI PHỔ THÔNG				
Trường THPT Lê Quý Đôn	100%	102.035	90.268	-12%
Trường THCS - THPT Tân Phú	100%	75.771	73.807	-3%
Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	100%	87.484	83.341	-5%
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	100%	54.833	51.686	-6%
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	100%	35.235	36.833	5%
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	100%	6.829	8.392	23%
Trường THPT Yersin Đà Lạt	87,87%		2.051	
KHỐI ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG				
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	87,87%	63.782	66.674	5%
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	60%	96.440	91.638	-5%

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tổng tài sản (triệu đồng)		
		Năm 2017 - 2018	Năm 2018 - 2019	% tăng giảm
CÁC ĐƠN VỊ KHÁC				
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	89,83%	9.915	9.681	-2%
Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	100%	20.345	41.049	102%
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư Duy Toàn Cầu TTC	100%	759	664	-13%
Viện nghiên cứu và đào tạo quốc tế TTC	87,87%		812	
Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh	100%	14.955	84.008	462%
Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	100%	60.090	44.371	-26%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2017 - 2018	Năm 2018 - 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,44	3,55
+ Hệ số thanh toán nhanh		
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,43	3,55
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,53	0,64
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,15	1,79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		



Chỉ tiêu	Năm 2017 - 2018	Năm 2018 - 2019
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	106,60	386,91
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,54	0,49
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6%	6%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7%	8%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3%	3%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	8%	9%

Niên độ 2018 - 2019, các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty có xu hướng tăng so với niên độ 2017 - 2018, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng mạnh từ 1,44 lần lên 3,55 lần. Điều này thể hiện Công ty luôn chủ động trong việc duy trì một lượng tài sản có tính thanh khoản cao đủ để đáp ứng nhu cầu thanh toán, nhất là các khoản thanh toán liên quan đến các dự án triển khai trong năm.

Các chỉ số liên quan đến hiệu suất sử dụng tài sản và khả năng sinh lời của Công ty cũng thể hiện xu hướng tăng dần qua các năm.

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Ngày 04/9/2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp gồm 5.640 cổ phần tại Trường Đại học Yersin Đà Lạt từ một cổ đông cá nhân với tổng giá trị chuyển nhượng là 237.697.800 đồng, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Trường Đại học Yersin Đà Lạt từ 87,78% lên 87,87%.

Ngày 22/2/2019, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Hưng Thịnh, nâng tổng số vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 46.000.000.000 đồng. Công ty Hưng Hưng Thịnh hiện đang là chủ đầu tư dự án xây dựng Trường Mầm non - Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông chất lượng cao Ấn Vàng tại Tây Ninh. Dự án đã hoàn thiện giai đoạn 1 với tổng giá trị đầu tư là 134 tỷ đồng, sẵn sàng đi vào hoạt động trong niên độ 2019 - 2020.

Ngày 03/6/2019, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 05 căn Sky Villa thuộc tòa nhà The Peagasus Plaza, số 53 - 55 Võ Thị Sáu, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai với tổng giá trị 34.875.501.662 đồng.

Trường Mầm non TTC Sài Gòn 3 được thành lập theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Trường chính thức đi vào hoạt động từ tháng 6/2019.

Trường Mầm non TTC Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND TP. Tây Ninh. Trường chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05/8/2019.

Trường TH-THCS-THPT Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND Tỉnh Tây Ninh. Trường chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/8/2019.

Dự án mở rộng Trường THPT Lê Quý Đôn cơ bản hoàn thiện với Tổng mức đầu tư ước tính khoảng 46 tỷ đồng.

Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1.	Cổ đông trong nước	3	1.750.000	1.750.000.000	5%
2.	Cổ đông nước ngoài	1	33.250.000	332.500.000.000	95%
3.	Cổ đông cá nhân	3	1.750.000	1.750.000.000	5%
4.	Cổ đông tổ chức	1	33.250.000	332.500.000.000	95%

Danh sách cổ đông lớn

Họ và tên	Số cổ phần	Tổng giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Lamchampion Investment Limited	33.250.000	332.500.000.000	95%

Các đợt phát hành trái phiếu

27/2/2018: Công ty chính thức niêm yết gói trái phiếu 150 tỷ đồng theo quyết định số 58/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

21/6/2018: Công ty tiếp tục niêm yết gói trái phiếu 80,1 tỷ đồng theo quyết định số 218/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

09/5/2019: Công ty tiếp tục phát hành gói trái phiếu 300 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi với mã trái phiếu TTCE042022 với tổng mệnh giá 300.000.000.000 đồng, kỳ hạn 03 năm, không kèm chứng quyền, không bao gồm tài sản đảm bảo, lãi suất 0%/năm.

Trước đó, năm 2017, Công ty đã phát hành 2.301.000 Trái phiếu với tổng mệnh giá 230.100.000.000 đồng, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, kỳ hạn 05 năm, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng Tài sản của Công ty và của bên thứ ba.

Như vậy, tính đến thời điểm kết thúc niên độ 2018 - 2019, Công ty đã phát hành 5.301.000 Trái phiếu với tổng mệnh giá 530.100.000.000 đồng. Tất cả các Trái phiếu này đều đáo hạn trong năm 2022.



Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị

Theo đánh giá của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã có sự nỗ lực lớn và hoàn thành vượt bậc nhiệm vụ được giao trong niên độ 2018-2019 bao gồm tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Nắm được sự thay đổi về chính sách pháp luật trong hoạt động giáo dục và sự đổi mới của chương trình giáo dục trong nước, Hội đồng Quản trị đã kịp thời đề ra những chủ trương, chiến lược kịp thời để phát triển Công ty. Thông qua các chủ trương đã được đề ra dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Công ty đã hoàn thành tốt được nhiệm vụ và đưa kết quả kinh doanh về đúng quỹ đạo và hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị đề ra trong niên độ 2018 – 2019. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã tham mưu Hội đồng Quản trị để đưa ra những chiến lược, giải pháp linh động kịp thời giải quyết những khó khăn trước mắt và đạt được những thành tựu nhất định trong năm như sau:

Hoàn thành tốt trong việc đầu tư và đưa vào vận hành các Dự án mới: Dự án Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn, Trường Mầm non TTC Sài Gòn 3, Trường Mầm non TTC Tây Ninh, Trường TH-THCS-THPT TTC Tây Ninh. Đầu tư mở rộng Trường THPT Lê Quý Đôn nhằm di dời kịp thời Trường Mầm non Tư thục Quốc tế Abi Đồng Nai.

Hoàn thành tốt các chỉ tiêu tài chính được đề ra trong năm.

Hoàn thành tốt trong công tác kiểm soát chi phí.

Hoàn thành công tác kiện toàn bộ máy nhân sự của Tổng Công ty và các Trường thành viên. Có chú trọng chăm lo đời sống của Cán bộ - Nhân viên, Giáo viên về các chế độ, lương thưởng, chế độ phúc lợi.



Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Niên độ 2018 - 2019 là một năm hoàn thành mục tiêu "Vững bước phát triển" sau khi "Xây dựng nền tảng" của niên độ 2017-2018.

Ban Tổng Giám đốc đã bám sát chỉ đạo thực hiện theo kế hoạch ngân sách đã được phê duyệt và hoạt động được Hội đồng Quản trị đề ra trong niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc đã có những đề xuất thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược phát triển nhằm đưa kết quả hoạt động về đúng quỹ đạo và đáp ứng các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận.

Kết thúc niên độ 2018 - 2019, số trung bình toàn hệ thống đạt 15.404 học sinh; doanh thu thuần đạt 576.350 triệu đồng, tăng 26% so với niên độ 2017 - 2018; lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 34.252 triệu đồng, tăng 24% so với niên độ 2017 - 2018.

Những bước tiến của Công ty đã đạt được:

• Về chất lượng chuyên môn:

Luôn cập nhật và đổi mới các chương trình đào tạo mới ở mọi bậc học.

Tăng cường đào tạo, huấn luyện đội ngũ quản lý, giáo viên.

Tăng cường các chương trình Hợp tác quốc tế.

• Về hoạt động tuyển sinh - truyền thông:

Đẩy mạnh tiếp cận khách hàng qua các kênh truyền thông như website, facebook, ... Áp dụng công nghệ thông tin điện tử trong việc quản lý học sinh mầm non. Xây dựng website tương tác cho hầu hết các đơn vị trường học trong hệ thống.

Tăng cường tổ chức sự kiện, hội thảo giáo dục nhằm nâng cao nhận diện hình ảnh thương hiệu.

• Về hoạt động quản lý:

Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý. Cụ thể, Công ty đã tiếp tục hoàn thiện việc triển khai và áp dụng hệ thống quản lý bằng Công nghệ thông tin giúp công tác quản lý ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả. Triển khai văn phòng điện tử, phần mềm quản lý nhân sự.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tổng tài sản niên độ 2018 - 2019 đạt 1.169.408 triệu đồng, tăng 38% so với niên độ 2017 - 2018.

Các chỉ số liên quan đến hiệu suất sử dụng tài sản được Công ty duy trì tốt qua các năm.

Tình hình nợ phải trả

Nợ ngắn hạn

Hệ số thanh toán hiện hành và hệ số thanh toán nhanh đều duy trì ở mức 3,55; tăng đáng kể so với niên độ 2017 - 2018. Tỷ số này thể hiện khả năng thanh toán của Công ty đối với các khoản vay đến hạn được duy trì ở mức tốt.

Nợ dài hạn

Trong niên độ, Công ty phát hành 300 tỷ trái phiếu chuyển đổi để thực hiện đầu tư tài chính và đầu tư dự án. Điều này dẫn đến tỷ lệ nợ trên tổng tài sản tăng từ 0,53 lần lên 0,64 lần. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 1,15 lần lên 1,79 lần. Tuy nhiên các tỷ lệ này vẫn đảm bảo duy trì ở mức an toàn.

Công ty không có nợ xấu phải trả và không chịu ảnh hưởng lớn của việc biến động tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi vay.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Các hoạt động sử dụng năng lượng chủ yếu của Công ty đến từ việc quản lý của khối Văn phòng. Nhờ vào sự kiểm soát chi phí chặt chẽ cũng như ý thức của toàn thể cán bộ - nhân viên, Công ty luôn sử dụng năng lượng điện hiệu quả, tiết kiệm chi phí cho Công ty.

Với đặc thù ngành đầu tư về lĩnh vực Giáo dục, Công ty thực hiện đầy đủ các cam kết về môi trường, hạn chế sử dụng các sản phẩm, nguyên liệu, vật liệu có thành phần độc hại.

Tăng tỉ lệ các nguyên liệu, vật liệu sản phẩm tái chế nhằm giảm bớt chất thải cho môi trường.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đảm bảo CB-NV được chăm lo đầy đủ về vật chất, sức khỏe, tinh thần.

Việc tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng của CB-NV cũng được chú trọng, nhằm xây dựng đội ngũ hiện hữu và kế thừa chuyên nghiệp, xuất sắc. Với thông điệp "Vi cộng đồng, thấp sáng ước mơ", Công ty đồng thời cam kết đào tạo ra nguồn nhân lực có ĐỨC lẫn TÀI, đóng góp hữu ích cho sự phát triển chung của đất nước.

Chính sách tuyển dụng được xây dựng và thực thi một cách linh hoạt và phù hợp với mục tiêu phát triển. Nguồn nhân lực Công ty đáp ứng được các tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn, kiến thức để đảm bảo hoàn thành tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ được giao.

Đồng thời, Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng, phúc lợi đảm bảo sự công bằng và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, chăm lo đời sống vật chất lẫn tinh thần CBNV. Các chế độ bảo hiểm như: BHXH, BHYT, BHYT, ... luôn được thực hiện đầy đủ. CBNV được thưởng nhân các dịp lễ, tết, thăm hỏi khi bị đau ốm, trợ cấp khi gặp hoàn cảnh khó khăn. Tăng cường các hoạt động, phong trào văn hóa, thể dục - thể thao nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết gắn bó giữa người lao động với Công ty.



Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm toán nội bộ

Trong niên độ 2018 - 2019, Ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ; đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình và triển khai công tác kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty:

Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong công tác lập, triển khai thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; và công tác quản lý hoạt động Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ.

Thực hiện chức năng quản trị rủi ro tài chính và công tác kế toán thông qua việc soát xét Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý/năm và tham vấn cho Công ty khi có phát sinh.

Thực hiện kiểm tra tuân thủ và hoạt động các phòng ban, bộ phận, các Trường thành viên (theo kế hoạch hoặc đột xuất), đồng thời giám sát việc hoàn thiện các kiến nghị của Ban kiểm toán nội bộ trong các cuộc kiểm tra.

Thông qua các đợt kiểm tra, Ban kiểm toán nội bộ đưa ra đánh giá rủi ro, yêu cầu thực hiện và đề xuất kiến nghị đảm bảo hoạt động Công ty thực hiện đúng quy định và hiệu quả

Tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban Công ty/Khởi nhằm nắm bắt thông tin để hỗ trợ, tư vấn kịp thời các vấn đề có khả năng xảy ra rủi ro hoặc đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ngoài ra, trong niên độ 2018 - 2019, Ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện các công việc sau:

Tổ chức 06 phiên họp thường kỳ và các buổi thảo luận đột xuất nhằm trao đổi, triển khai và đồng thuận công tác kiểm soát tại Công ty và các Đơn vị thành viên.

Thực hiện các đợt kiểm tra và ban hành các Biên bản kiểm tra, hoàn thành kế hoạch đề ra. Qua đó, đưa ra đánh giá rủi ro, yêu cầu thực hiện và đề xuất kiến nghị đảm bảo hoạt động Công ty thực hiện đúng quy định và hiệu quả.

Ghi nhận Báo cáo tài chính niên độ 2018 - 2019 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được soạn lập đúng chế độ kế toán, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định của pháp luật liên quan và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).



CUỘC THI NÉT VẼ ABI 2019

Tác phẩm: Chú bọ rùa đáng yêu

Bé: Lưu Bình An Nhiên

Trưởng Mầm non quốc tế Abi Bình Dương



CUỘC THI NÉT VẼ ABI 2019

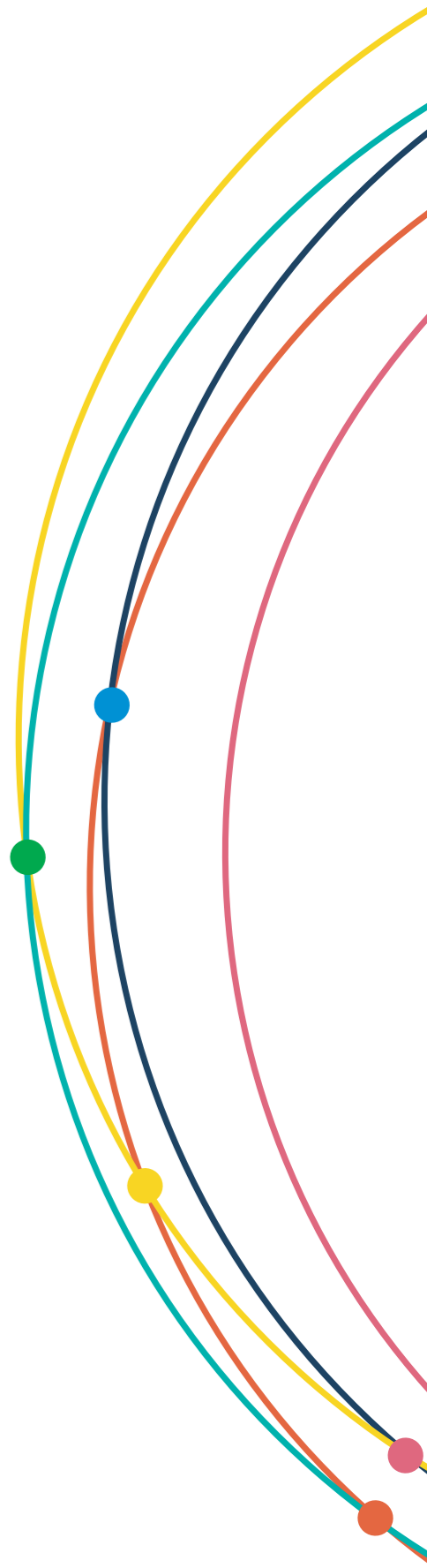
Tác phẩm: Bảo vệ môi trường

Nhóm: Sắc màu Abi

Trường Mầm non Abi-Đồng Nai

5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





TTC Edu luôn quan niệm trách nhiệm xã hội là một trong những chiến lược phát triển bền vững đầu của doanh nghiệp hơn là những quy định hay từ thiện bắt buộc. Triển khai tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp không những sẽ giúp cho doanh nghiệp kinh doanh tốt mà còn góp phần duy trì và phát triển sự gắn kết của cộng đồng với doanh nghiệp.

Niên độ 2018-2019, Công ty đã tích cực thực hiện các hoạt động mang ý nghĩa phúc lợi xã hội cao như: đồng hành Dự án Sách hay dành cho học sinh tiểu học tại các huyện/tỉnh thành trên khắp cả nước; chương trình Hiến máu tự nguyện triển khai toàn Hệ thống Giáo dục TTC Edu bao gồm Công ty và các cơ sở giáo dục; chương trình Triệu trái tim - Triệu yêu thương quyền góp mỗ tim cho các em nhỏ; tặng đồ chơi cho các em có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Attapeu - Lào...



TTC Edu khuyến khích sử dụng hiệu quả tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên và khuyến khích bảo vệ môi trường. Cụ thể, TTC Edu mong muốn các đối tác/nhà cung cấp của TTC Edu hướng đến việc:

- Xem xét các yếu tố tác động đến môi trường khi hoạt động sản xuất kinh doanh (Trong trường hợp gây tác động xấu đến môi trường, phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) và thực hiện mọi biện pháp nhằm giảm thiểu mọi rủi ro do tác động môi trường gây ra;
- Xây dựng, vận hành các quy trình và chính sách bảo vệ môi trường chặt chẽ và nghiêm khắc đối với các hoạt động có liên quan.
- Xem xét các thỏa thuận Quốc tế liên quan về môi trường.





6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3601478519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 5 năm 2019.	
Hội đồng Quản trị	Bà Tabongkod Peunchob	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10.5.2019)
	Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10.5.2019)
	Ông Nguyễn Đăng Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10.5.2019)
	Ông Phạm Kiến Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10.5.2019)
	Ông Phạm Điền Trung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10.5.2019) (bổ nhiệm ngày 3.12.2018)
	Bà Trần Quế Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10.5.2019)
	Bà Lê Thị Xuân Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10.5.2019)
	Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25.10.2018)
	Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17.7.2018)
Ban Tổng Giám đốc	Bà Dương Thục Linh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31.7.2018)
	Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31.7.2018)
	Ông Đinh Hoàng Triều	Phó Tổng Giám đốc Thường trực (bổ nhiệm ngày 31.7.2018)
	Ông Trần Anh Vĩnh Thịnh	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
	Ông Phạm Điền Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1.7.2019)
	Bà Dương Thục Linh	Phó Tổng Giám đốc Thường trực (miễn nhiệm ngày 31.7.2018)
	Ông Đinh Hoàng Triều	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31.7.2018)
Người đại diện theo pháp luật	Bà Dương Thục Linh	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 51. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Dương Thục Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2019, và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 15 tháng 8 năm 2019. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Hồ Ngọc Thăng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2262-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Lê Nam Phong
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3910-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM8588
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2019 VND	2018 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		403.096.283.304	129.013.724.275
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	357.928.399.172	59.675.413.659
111	Tiền		52.909.752.154	22.675.413.659
112	Các khoản tương đương tiền		305.018.647.018	37.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		45.000.000	45.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		45.000.000	45.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		37.227.849.141	59.571.866.541
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.444.814.298	4.807.428.000
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	22.628.665.372	14.747.896.309
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	7.883.171.144
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	12.236.996.271	48.621.801.790
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.082.626.800)	(16.488.430.702)
140	Hàng tồn kho		493.075.100	1.262.813.838
141	Hàng tồn kho		493.075.100	1.262.813.838
150	Tài sản ngắn hạn khác		7.401.959.891	8.458.630.237
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	6.480.062.567	6.310.670.552
152	Thuế GTGT được khấu trừ		422.264.455	1.633.700.638
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		499.632.869	514.259.047
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		766.311.931.279	719.238.665.479
210	Khoản phải thu dài hạn		4.807.858.456	5.672.773.744
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	4.807.858.456	5.672.773.744
220	Tài sản cố định		524.690.427.424	430.461.315.498
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	387.967.404.160	315.747.357.190
222	Nguyên giá		605.168.367.403	503.736.932.945
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(217.200.963.243)	(187.989.575.755)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	136.723.023.264	114.713.958.308
228	Nguyên giá		150.298.242.091	125.437.517.091
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(13.575.218.827)	(10.723.558.783)
240	Tài sản dở dang dài hạn		139.000.327.696	180.850.226.828
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	139.000.327.696	180.850.226.828
260	Tài sản dài hạn khác		97.813.317.703	102.254.349.409
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	38.858.397.593	34.751.190.469
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		219.646.019	148.106.766
269	Lợi thế thương mại	11	58.735.274.091	67.355.052.174
270	TỔNG TÀI SẢN		1.169.408.214.583	848.252.389.754

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2019 VND	2018 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		750.781.236.960	453.471.263.794
310	Nợ ngắn hạn		113.536.984.676	88.713.241.336
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	16.138.124.179	14.973.596.234
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	10.574.956.960	4.635.998.643
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	14	6.725.788.284	3.422.584.741
314	Phải trả người lao động		105.848.549	502.392.558
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	22.562.953.827	20.104.516.841
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.414.665.436	1.946.523.719
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	11.175.138.486	6.231.147.307
320	Vay ngắn hạn	17(a)	38.435.886.500	35.470.590.789
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.403.622.455	1.425.890.504
330	Nợ dài hạn		637.244.252.284	364.758.022.458
337	Phải trả dài hạn khác		38.000.000	38.000.000
338	Vay dài hạn	17(b)	338.008.235.367	363.188.672.208
339	Trái phiếu chuyển đổi	18	297.666.666.667	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn		1.531.350.250	1.531.350.250
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		418.626.977.623	394.781.125.960
410	Vốn chủ sở hữu		418.626.977.623	394.781.125.960
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	350.000.000.000	350.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		350.000.000.000	350.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	58.194.418	58.194.418
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	28.502.804.685	4.224.217.632
421a	- Lũy sau thuế lũy kế của các năm trước		(6.124.616.407)	(18.068.465.768)
421b	- LNST chưa phân phối của năm này		34.627.421.092	22.292.683.400
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	40.065.978.520	40.498.713.910
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.169.408.214.583	848.252.389.754


Nguyễn Thị Hương
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởngDương Thục Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2019 VND	2018 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	580.942.355.934	464.000.978.113
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.592.544.962)	(5.314.040.083)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	576.349.810.972	458.686.938.030
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(339.683.857.702)	(269.209.270.801)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	236.665.953.270	189.477.667.229
21	Doanh thu hoạt động tài chính	4.826.935.981	9.515.122.557
22	Chi phí tài chính	(43.324.257.850)	(35.928.246.293)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(40.499.126.947)	(35.271.345.712)
25	Chi phí bán hàng	(13.700.586.373)	(7.723.832.849)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(135.448.786.062)	(117.204.500.149)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	49.019.258.966	38.136.210.495
31	Thu nhập khác	1.466.440.174	1.217.364.529
32	Chi phí khác	(5.674.042.314)	(3.441.213.191)
40	Lỗ khác	(4.207.602.140)	(2.223.848.662)
50	Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	44.811.656.826	35.912.361.833
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(10.631.570.255)	(8.369.249.129)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	71.539.253	148.106.766
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	34.251.625.824	27.691.219.470
	Phân bổ cho:		
61	LNST của cổ đông Công ty	34.627.421.092	26.428.838.150
62	LNST của cổ đông không kiểm soát	(375.795.268)	1.262.381.320
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23(a) 698	567
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23(b) 551	567



Nguyễn Thị Hương
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.


CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	44.811.656.826	35.912.361.833
02	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	44.788.631.615	36.815.704.016
03	Các khoản dự phòng	363.889.800	577.519.563
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(7.780.946.113)	(9.917.988.911)
06	Chi phí lãi vay	40.499.126.947	35.271.345.712
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	122.682.359.075	98.658.942.213
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	13.547.590.737	(24.720.467.269)
10	Giảm hàng tồn kho	769.738.738	2.522.788.780
11	Tăng các khoản phải trả	9.551.775.788	6.369.724.550
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(4.276.599.139)	880.414.378
14	Tiền lãi vay đã trả	(40.610.291.706)	(35.654.806.248)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(9.008.503.055)	(8.035.578.790)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(7.215.744.573)	(6.027.400.156)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	85.440.325.865	33.993.617.458
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ	(148.129.194.301)	(84.092.819.934)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	71.342.096.902	788.843.788
23	Chi cho vay	-	(378.545.000.000)
24	Thu hồi cho vay	7.883.171.144	416.800.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(237.697.800)	(123.563.837.113)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	7.467.279.349	8.534.994.232
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(61.674.344.706)	(160.077.819.027)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	334.559.925.150	251.968.888.287
34	Chi trả nợ gốc vay	(60.072.920.796)	(66.176.265.290)
36	Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	(6.750.916.129)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	274.487.004.354	179.041.706.868
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	298.252.985.513	52.957.505.299
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3	59.675.413.659
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.717.908.360
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	357.928.399.172
			59.675.413.659

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm được trình bày ở Thuyết minh 33.



Nguyễn Thị Hương
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Đương Thục Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601478519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 5 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là cung cấp các dịch vụ giáo dục chung (từ tiểu học đến trung học phổ thông); giáo dục mầm non; dạy nghề; đào tạo đại học và cao đẳng; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực giày da, dệt may và kinh tế; nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội; các loại hình giáo dục khác như tiếng nước ngoài và kỹ năng vi tính; cho thuê và kinh doanh bất động sản và dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có 1.783 nhân viên (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 1.672 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 21 công ty con trực tiếp và 2 công ty con gián tiếp (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 21 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp) được trình bày như sau:

ST	Công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động		30.6.2019		30.6.2018	
			Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %		
	Khởi Mầm non							
1	Trường Mầm non TTC Sài Gòn	Giáo dục	TP. HCM	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
2	Trường Mầm non TTC Sài Gòn 2	Giáo dục	TP. HCM	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
3	Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	Giáo dục	Bình Dương	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
4	Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	Giáo dục	Đồng Nai	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
5	Trường Mầm non ABI Đồng Nai	Giáo dục	Đồng Nai	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
6	Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	Giáo dục	Đồng Nai	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
7	Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	Giáo dục	Bến Tre	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
8	Trường Mầm non TTC Sài Gòn 3 (i)	Giáo dục	TP. HCM	100,00	100,00	-	-	-
	Khởi Tiểu học và Trung học							
9	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo dục	Đồng Nai	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
10	Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	Giáo dục	TP. HCM	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
11	Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn – Quyết Thắng	Giáo dục	Đồng Nai	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
12	Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	Giáo dục	TP. HCM	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
13	Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	Giáo dục	TP. HCM	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
14	Trường THPT Lê Quý Đôn Long Bình Tân	Giáo dục	Đồng Nai	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	Khởi Đại học - Cao đẳng							
15	Trường Đại học Yersin Đà Lạt (ii)	Giáo dục, đào tạo	Lâm Đồng	87,87	85,71	87,78	77,78	
16	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Đào tạo	Đồng Nai	60,00	50,00	60,00	50,00	
	Các đơn vị khác							
17	Công ty TNHH MTV Giáo dục Thành Thành Công - Tây Ninh	Giáo dục	Tây Ninh	100,00	100,00	100,00	100,00	
18	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	Tư vấn thiết kế và xây dựng	Đồng Nai	89,83	75,00	89,83	67,67	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

STT	Công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động		30.06.2019		30.6.2018	
			Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết quyết %		
	Các đơn vị khác (tiếp theo)							
19	Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo dục 590	Giáo dục	TP. HCM	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
20	Công ty TNHH MTV Học viện TTC	Đào tạo	Đồng Nai	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
21	Trung tâm ngoại ngữ tin học Tư Duy Toàn Cầu TTC	Đào tạo	Đồng Nai	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
22	Công ty TNHH Một Thành viên Học viện TTC (iii)	Đào tạo	TP. HCM	-	-	100,00	100,00	100,00
	Công ty con gián tiếp							
23	Công ty Cổ phần Giáo dục Hưng Thịnh	Giáo dục	Tây Ninh	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
24	Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn (iv)	Giáo dục	TP. HCM	100,00	100,00	-	-	-

(i) Trường Mầm non TTC Sài Gòn 3 được thành lập theo Quyết định số 09/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 5 năm 2019. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính này, Trường Mầm non TTC Sài Gòn 3 đang trong quá trình chờ cấp phép hoạt động.

(ii) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị của Công ty số 54/BB-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2018, Công ty nhận chuyển nhượng phần vốn phần vốn góp gồm 5.640 cổ phần tại Trường Đại học Yersin Đà Lạt từ một cổ đông cá nhân với tổng giá trị chuyển nhượng là 237.697.800 đồng.

Quyết định số 50/QĐ-HĐQT-DYD, ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Trường Đại học Yersin Đà Lạt phê duyệt việc chuyển đổi Trường THPT Yersin Đà Lạt từ chi nhánh hạch toán phụ thuộc vào Trụ sở chính thành chi nhánh hạch toán độc lập.

Quyết định số 25/QĐ-HĐQT-DYD, ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Trường Đại học Yersin Đà Lạt, phê duyệt việc thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo Quốc tế TTC – chi nhánh hạch toán độc lập.

(iii) Công ty TNHH Một thành viên Học viện TTC được giải thể theo quyết định giải thể Công ty số 01/2018/QĐ-TTCA ngày 17 tháng 5 năm 2018.

(iv) Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 113/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 31 tháng 8 năm 2018.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)****Công ty con (tiếp theo)**

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

2.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu, và các chứng khoán nợ khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

2.10 Cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn

Cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Thiết bị trường học	5 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị quản lý	7 - 13 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Tài sản cố định khác	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 42 năm đến 58 năm phù hợp với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân các tỉnh cấp.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.12 Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, phí đào tạo, chi phí chuyển dịch địa điểm và chi phí quảng cáo. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ trong vòng 3 năm từ khi bắt đầu hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.15 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.16 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.17 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước nhưng chưa cung cấp dịch vụ. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.19 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Các chi phí phát hành trái phiếu khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính.

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế): phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.21 Phân chia lợi nhuận thuần

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và Tập đoàn:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.21 Phân chia lợi nhuận thuần (tiếp theo)****Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.22 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo**

Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ giáo dục và đào tạo đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(c) Doanh thu cho thuê

Thu nhập cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.23 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm tiền học phí hoàn lại cho học sinh được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế hợp nhất toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.24 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.25 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

2.26 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí cho bộ phận tuyển sinh và chi phí khác.

2.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê văn phòng; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.28 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.29 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Tiền mặt	1.224.495.097	1.141.907.054
Tiền gửi ngân hàng	51.685.257.057	21.533.506.605
Các khoản tương đương tiền (*)	305.018.647.018	37.000.000.000
	<u>357.928.399.172</u>	<u>59.675.413.659</u>

(*) Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất từ 4,8% đến 5,5%/năm (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 4,7% năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Công ty Cổ phần Johnson Wood	-	643.500.000
Khác	3.444.814.298	4.163.928.000
	<u>3.444.814.298</u>	<u>4.807.428.000</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 1.224.663.000 đồng và 993.354.000 đồng, như được trình bày ở Thuyết minh 7.

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Phần mềm và Tư vấn Kim Tự Tháp	2.365.000.000	2.307.520.000
Công ty TNHH Xây dựng Đăng Viên	2.052.357.614	-
Công ty Xây Dựng Bình Minh	-	3.568.493.939
Công ty TNHH Hoàng Vương Minh	-	1.401.512.440
Khác	18.211.307.758	7.470.369.930
	<u>22.628.665.372</u>	<u>14.747.896.309</u>

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30.6.2019		30.6.2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên thứ ba				
Thu hộ tiền mua đồng phục và tiền xe	5.429.807.308	-	5.763.425.886	-
Phải thu lãi cho vay và tiền gửi	2.346.619.858	-	4.986.963.226	-
Tạm ứng cho nhân viên Bà Lưu Thị Hoa	2.181.618.681	-	2.814.185.709	(769.693.702)
Ông Nguyễn Quốc Hùng	-	-	12.000.000.000	(12.000.000.000)
Khác	2.244.230.709	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	34.719.715	-	14.197.495.769	-
	<u>12.236.996.271</u>	<u>-</u>	<u>48.621.801.790</u>	<u>(15.769.693.702)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán lần lượt là 0 đồng và 28.768.000.590 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30.6.2019		30.6.2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên thứ ba				
Ký quỹ, ký cược	4.467.758.456	-	5.393.073.744	-
Khác	340.100.000	-	279.700.000	-
	<u>4.807.858.456</u>	<u>-</u>	<u>5.672.773.744</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 NỢ QUÁ HẠN

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

	30.6.2019			Số ngày quá hạn Ngày
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Phải thu học phí (Thuyết minh 4)	1.224.663.000	142.036.200	1.082.626.800	Từ 6 tháng đến hơn 3 năm
	30.6.2018			Số năm quá hạn
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Bà Lưu Thị Hoa (Thuyết minh 6(a))	12.000.000.000	-	12.000.000.000	Trên 2 năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.883.171.144	7.883.171.144	-	Trên 2 năm
Phải thu lãi cho vay (Thuyết minh 6(a))	4.986.963.226	4.986.963.226	-	Trên 2 năm
Ông Nguyễn Quốc Hùng (Thuyết minh 6(a))	3.000.000.000	-	3.000.000.000	Trên 4 năm
Tạm ứng cho nhân viên (Thuyết minh 6(a))	897.866.220	128.172.518	769.693.702	Trên 2 năm
Phải thu học phí (Thuyết minh 4)	993.354.000	274.617.000	718.737.000	Trên 2 năm
	<u>29.761.354.590</u>	<u>13.272.923.888</u>	<u>16.488.430.702</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Công cụ, dụng cụ	3.101.192.859	3.337.284.125
Chi phí tuyển sinh	1.887.910.758	1.506.365.187
Chi phí khác	1.490.958.950	1.467.021.240
	<u>6.480.062.567</u>	<u>6.310.670.552</u>

(b) Dài hạn

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Công cụ, dụng cụ	24.681.567.891	23.572.729.640
Quyền sử dụng đất	6.630.936.520	6.803.259.939
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.695.901.819	2.227.578.984
Cơ sở vật chất	1.308.979.544	1.395.678.605
Chi phí khác	2.541.011.819	751.943.301
	<u>38.858.397.593</u>	<u>34.751.190.469</u>

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	41.061.861.021	27.975.919.099
Tăng từ mua mới trong năm	46.958.736.192	56.117.513.853
Phân bổ trong năm	(42.384.872.498)	(45.706.603.486)
Thanh lý	(297.264.555)	-
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	2.408.008.539
Tăng khác	-	267.023.016
	<u>45.338.460.160</u>	<u>41.061.861.021</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	437.591.418.299	27.950.563.183	10.521.845.235	27.673.106.228	503.736.932.945
Mua trong năm	11.713.888.459	4.864.735.696	256.280.015	5.594.880.164	22.429.784.334
Chuyển từ xây dựng dở dang (Thuyết minh 10)	68.106.502.672	6.136.461.619	-	8.433.937.695	82.676.901.986
Thanh lý, xóa sổ	(3.056.319.841)	(106.899.190)	(498.164.000)	(538.828.332)	(4.200.211.363)
Khác	-	524.959.501	-	-	524.959.501
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	514.355.489.589	39.369.820.809	10.279.961.250	41.163.095.755	605.168.367.403
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	153.681.442.449	15.848.091.931	4.700.192.354	13.759.849.021	187.989.575.755
Khấu hao trong năm	20.935.657.216	3.476.802.967	808.715.261	5.768.116.963	30.989.292.407
Thanh lý, xóa sổ	(1.970.900.633)	-	(498.164.000)	(484.945.499)	(2.954.010.132)
Khác	84.498.671	652.417.567	-	439.188.975	1.176.105.213
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	172.730.697.703	19.977.312.465	5.010.743.615	19.482.209.460	217.200.963.243
Giá trị còn lại					
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	283.909.975.850	12.102.471.252	5.821.652.881	13.913.257.207	315.747.357.190
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	341.624.791.886	19.392.508.344	5.269.217.635	21.680.886.295	387.967.404.160

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH (tiếp theo)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 35,3 tỷ đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 26,8 tỷ đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 120,7 tỷ đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 93,6 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 17).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	121.927.715.958	3.113.726.133	396.075.000	125.437.517.091
Mua trong năm	138.000.000	4.475.380.000	546.400.000	5.159.780.000
Chuyển từ xây dựng dở dang (Thuyết minh 10)	19.700.945.000	-	-	19.700.945.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	141.766.660.958	7.589.106.133	942.475.000	150.298.242.091
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	8.463.155.466	1.891.028.317	369.375.000	10.723.558.783
Khấu hao trong năm	2.119.726.169	644.522.764	87.411.111	2.851.660.044
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	10.582.881.635	2.535.551.081	456.786.111	13.575.218.827
Giá trị còn lại				
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	113.464.560.492	1.222.697.816	26.700.000	114.713.958.308
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	131.183.779.323	5.053.555.052	485.688.889	136.723.023.264

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(b) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 1.664.578.433 đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 1.572.578.433 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định vô hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 47,7 tỷ đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2018: 105,6 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 17).

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30.6.2019	30.6.2018
	VND	VND
Dự án Trường Mầm non - Tiểu học Chất lượng cao ở Tây Ninh	71.639.768.080	1.652.593.333
Dự án Trường Mầm non tại Sài Gòn	9.839.426.317	8.469.585.953
Dự án tại Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	23.250.680.607	24.152.436.771
Giá trị quyền sử dụng đất tại Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	19.339.450.000	19.339.450.000
Dự án ABI Quyết Thắng	14.931.002.692	-
Dự án Trường Mầm non tại Bến Tre	-	59.379.742.771
Dự án tại Trường THPT Lê Quý Đôn	-	35.867.702.686
Dự án tại Đồng Nai	-	27.149.452.094
Dự án tại Long Thành	-	3.554.400.000
Khác	-	1.284.863.220
	<u>139.000.327.696</u>	<u>180.850.226.828</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	30.6.2019	30.6.2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	180.850.226.828	138.341.497.745
Xây dựng cơ bản	129.624.907.797	61.513.076.718
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(82.676.901.986)	(20.049.373.651)
Nhượng bán (*)	(67.141.885.539)	(4.578.225.022)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9(b))	(19.700.945.000)	-
Khấu hao trong năm	(715.392.528)	(715.392.528)
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	6.370.692.366
Khác	(1.239.681.876)	(32.048.800)
Số dư cuối năm	<u>139.000.327.696</u>	<u>180.850.226.828</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

(*) Trong năm, Công ty đã nhượng bán 5 căn nhà thuộc dự án tại Đồng Nai, dự án tại Trường THPT Lê Quý Đôn và dự án tại Trường TH - THCS - THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng

11 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	86.197.780.834
Phân bổ lũy kế	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	18.842.728.660
Phân bổ trong năm	8.619.778.083
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	27.462.506.743
Giá trị còn lại	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	67.355.052.174
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	58.735.274.091

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2019		30.6.2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	5.967.013.920	5.967.013.920		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	114.515.410	114.515.410	1.979.677.298	1.979.677.298
Doanh nghiệp tư nhân Thảo Lan	497.955.300	497.955.300	1.014.333.397	1.014.333.397
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển và Đầu tư An Phúc	23.475.825	23.475.825	7.802.373.650	7.802.373.650
Khác	9.535.163.724	9.535.163.724	4.177.211.889	4.177.211.889
	<u>16.138.124.179</u>	<u>16.138.124.179</u>	<u>14.973.596.234</u>	<u>14.973.596.234</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Học phí ứng trước từ học sinh	10.495.366.677	4.635.998.643
Khác	79.590.283	-
	<u>10.574.956.960</u>	<u>4.635.998.643</u>

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 30.6.2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 30.6.2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.651.359.246	10.529.877.577	(9.008.503.055)	3.172.733.768
Thuế GTGT bán hàng nội địa	942.542.420	5.583.865.245	(3.971.796.966)	2.554.610.699
Thuế thu nhập cá nhân	788.683.075	7.320.616.998	(7.313.381.197)	795.918.876
Nghĩa vụ khác	40.000.000	214.624.941	(52.100.000)	202.524.941
	<u>3.422.584.741</u>	<u>23.648.984.761</u>	<u>(20.345.781.218)</u>	<u>6.725.788.284</u>

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Trích trước lương tháng thứ 13	14.581.701.863	10.905.591.465
Trích trước chi phí khấu hao	2.329.066.813	1.626.460.510
Lãi vay phải trả	659.526.485	770.691.244
Khác	4.992.658.666	6.801.773.622
	<u>22.562.953.827</u>	<u>20.104.516.841</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Phải trả học phí thu hộ	5.281.203.768	-
Các loại bảo hiểm	875.576.364	1.370.863.770
Thu hộ cho nhà cung cấp	-	2.399.081.697
Cổ tức phải trả	-	753.273.684
Khác	5.018.358.354	1.707.928.156
	<u>11.175.138.486</u>	<u>6.231.147.307</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 30.6.2018 VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 30.6.2019 VND
Vay ngân hàng (i)					
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình ("OCB")	2.000.000.000	32.375.144.417	(21.474.606.809)	-	12.900.537.608
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây ("VCB")	7.935.241.897	4.584.780.733	(12.520.022.630)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	25.535.348.892	-	(25.535.348.892)	25.535.348.892	25.535.348.892
	<u>35.470.590.789</u>	<u>36.959.925.150</u>	<u>(59.529.978.331)</u>	<u>25.535.348.892</u>	<u>38.435.886.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 30.6.2018 VND	Giải ngân/Phân bổ VND	Hoàn trả/Chi phí phát hành VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 30.6.2019 VND
Vay ngân hàng (i)					
OCB	106.625.000.000	-	(12.700.000.000)	-	93.925.000.000
VCB	40.945.041.108	-	(7.835.348.892)	-	33.109.692.216
Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai (ii)	13.750.000.000	-	(5.000.000.000)	-	8.750.000.000
Phát hành trái phiếu (iii)					
Trái phiếu đã phát hành (*)	230.100.000.000	-	-	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.696.020.008)	897.854.516	(542.942.465)	-	230.100.000.000
	<u>388.724.021.100</u>	<u>897.854.516</u>	<u>(26.078.291.357)</u>	<u>-</u>	<u>(2.341.107.957)</u>
					<u>363.543.584.259</u>
Vay dài hạn đến hạn trả					
OCB	(12.700.000.000)	-	12.700.000.000	(15.200.000.000)	(15.200.000.000)
VCB	(7.835.348.892)	-	7.835.348.892	(7.835.348.892)	(7.835.348.892)
Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai (ii)	(5.000.000.000)	-	5.000.000.000	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
	<u>(25.535.348.892)</u>	<u>-</u>	<u>25.535.348.892</u>	<u>(25.535.348.892)</u>	<u>(25.535.348.892)</u>
	<u>363.188.672.208</u>	<u>897.854.516</u>	<u>(542.942.465)</u>	<u>(25.535.348.892)</u>	<u>338.008.235.367</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(i) Chi tiết số dư các khoản vay ngân hàng cuối năm như sau:

Ngân hàng	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất
OCB	12.900.537.608	-	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2019 đến ngày 26 tháng 3 năm 2020	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 2,2%/năm
VCB	-	7.935.241.897	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2018 đến ngày 12 tháng 6 năm 2019	Từ 7,5% đến 8,6%/năm
OCB	-	2.000.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2018	Lãi suất tiết kiệm 6 tháng của ngân hàng + tối thiểu 2,4%/năm
OCB	68.250.000.000	77.000.000.000	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2015 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	6 tháng đầu: 8,9%/năm Tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm
OCB	25.675.000.000	29.625.000.000	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 đến ngày 2 tháng 12 năm 2025	6 tháng đầu: 8,9%/năm Tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm
VCB	9.609.750.000	13.880.750.000	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2013 đến ngày 26 tháng 9 năm 2022	Năm 1: 7,2%/năm Năm 2 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + 2,8%/năm
VCB	13.000.000.000	15.000.000.000	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2016 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025	Năm 1: 7,2%/năm Năm 2 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + 2,8%/năm
VCB	10.208.442.216	11.666.791.108	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2016 đến ngày 12 tháng 7 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + 2,8%/năm
VCB	291.500.000	397.500.000	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2017 đến ngày 26 tháng 1 năm 2022	7,5%/năm
	<u>139.935.229.824</u>	<u>157.505.283.005</u>		

17 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

Các khoản vay ngân hàng trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của các Công ty và các công ty trong Tập đoàn (Thuyết minh 9).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn không có khoản vay ngân hàng nào quá hạn thanh toán.

(ii) Chi tiết các khoản vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai như sau:

Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	30.06.2019 VND	30.06.2018 VND
Từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 9 năm 2022	7,0	8.750.000.000	11.250.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	8,4	-	2.500.000.000
		<u>8.750.000.000</u>	<u>13.750.000.000</u>

Các khoản vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của một công ty thành viên trong Tập đoàn (Thuyết minh 9).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn không có khoản vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai nào bị quá hạn thanh toán.

(iii) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 thể hiện khoản vay bằng 1.500.000 trái phiếu đã phát hành với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng quy định trong hợp đồng, cộng với biên độ lãi suất 3,5%/năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm và đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, và đảm bảo bằng tài sản của Công ty, bà Đặng Huỳnh Ước My và Trường TH - THCS - THPT Tân Phú.

Ngoài ra, Công ty đã phát hành thêm 801.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng quy định trong hợp đồng, cộng với biên độ lãi suất 3,5%/năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và đảm bảo bằng tài sản của một cá nhân (ông Huỳnh Đăng Khoa).

Chi tiết số dư trái phiếu cuối năm như sau:

	30.06.2019 VND	30.06.2018 VND
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (TCBS)	160.000.000.000	160.000.000.000
Quỹ đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF)	44.000.000.000	44.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	25.000.000.000	25.000.000.000
Bà Phan Thị Thanh Thảo	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Chung Thị Mỹ Dung	100.000.000	100.000.000
	<u>230.100.000.000</u>	<u>230.100.000.000</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30.6.2019		30.6.2018	
	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	35.000.000	350.000.000.000	35.000.000	350.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.6.2019		30.6.2018	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Lam Champion Investment Limited	33.250.000	95,00	-	-
Bà Đặng Huỳnh Ước My	1.150.000	3,29	30.650.000	87,57
Cổ đông khác	600.000	1,71	600.000	1,71
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	-	3.750.000	10,72
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	35.000.000	100,00	35.000.000	100,00

Trong năm bà Đặng Huỳnh Ước My và Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công đã chuyển giao một phần vốn góp cổ phần tại Công ty cho Lam Champion Investment Limited.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

21 TÍNH HÌNH TẶNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối/(Lỗ sau thuế lũy kế) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	350.000.000.000	28.645.813	(11.268.275.314)	58.771.728.767	397.532.099.266
Lợi nhuận trong năm	-	-	26.428.838.150	1.262.381.320	27.691.219.470
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu Trường TH - THCS - THPT Tân Phú	-	29.548.605	(10.856.383.801)	(14.173.164.804)	(25.000.000.000)
Tặng do thay đổi tỷ lệ sở hữu Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	-	34.398.279	81.201.721	115.600.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.568.711.349)	-	(6.568.711.349)
Khác	-	-	6.454.351.667	(5.443.433.094)	1.010.918.573
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	350.000.000.000	58.194.418	4.224.217.632	40.498.713.910	394.781.125.960
Lợi nhuận trong năm	-	-	34.627.421.092	(375.795.268)	34.251.625.824
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu Trường Đại học Yersin Đà Lạt (i)	-	-	(180.070.711)	(57.627.089)	(237.697.800)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	(10.193.476.524)	-	(10.193.476.524)
Khác	-	-	24.713.196	686.967	25.400.163
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	350.000.000.000	58.194.418	28.502.804.685	40.065.978.520	418.626.977.623

(i) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị của Công ty số 54/BB-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2018, Công ty nhận chuyển nhượng phần vốn phần vốn góp gồm 5.640 cổ phần tại Trường Đại học Yersin Đà Lạt từ một cổ đông cá nhân với tổng giá trị chuyển nhượng là 237.697.800 đồng.

(ii) Thực hiện theo Nghị quyết số 27/NQ-DHĐCĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông.

22 CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	30.6.2019 VND	30.6.2018 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	42.486.264.739	42.542.664.739
Thặng dư vốn cổ phần	1.639.401.073	1.650.260.611
Lỗi sau thuế lũy kế	(4.060.668.275)	(3.694.507.736)
Khác	980.983	296.296
	<u>40.065.978.520</u>	<u>40.498.713.910</u>

Biến động về lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	40.498.713.910	58.771.728.767
Lỗi thuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát trong năm	(375.795.268)	1.262.381.320
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Giảm)/tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	(14.173.164.804)
Khác	(57.627.089)	81.201.721
	<u>686.967</u>	<u>(5.443.433.094)</u>
Số dư cuối năm	<u>40.065.978.520</u>	<u>40.498.713.910</u>

23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019	2018
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	34.627.421.092	26.428.838.150
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(10.193.476.524)	(6.568.711.349)
	<u>24.433.944.568</u>	<u>19.860.126.801</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>698</u>	<u>567</u>

23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

(*) Thực hiện theo Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	34.627.421.092	26.428.838.150
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(10.193.476.524)	(6.568.711.349)
	<u>24.433.944.568</u>	<u>19.860.126.801</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông bao gồm cổ phiếu tiềm năng (cổ phiếu)	44.375.000	35.000.000
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>551</u>	<u>567</u>

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÀN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Nợ khó đòi đã xử lý**

Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 28 tháng 6 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt xóa sổ các khoản nợ khó đòi đã lập dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 của bà Lưu Thị Hoa, ông Nguyễn Quốc Hùng và phải thu khác với số tiền lần lượt là 12.000.000.000 đồng, 3.000.000.000 đồng và 616.951.369 đồng.

Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 158.678.744.958 đồng và 58.370.678.700 đồng tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Thuyết minh 35).

25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu dịch vụ giáo dục và đào tạo	564.532.812.328	450.465.562.585
Doanh thu bán hàng hóa	11.639.030.354	6.612.773.203
Doanh thu cho thuê	2.335.785.950	4.583.290.192
Doanh thu tư vấn, thiết kế	14.158.182	1.007.815.416
Doanh thu khác	2.420.569.120	1.331.536.717
	<u>580.942.355.934</u>	<u>464.000.978.113</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm trừ học phí	(4.592.544.962)	(5.314.040.083)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về dịch vụ giáo dục và đào tạo	559.940.267.366	445.151.522.502
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	11.639.030.354	6.612.773.203
Doanh thu thuần về cho thuê	2.335.785.950	4.583.290.192
Doanh thu thuần về tư vấn, thiết kế	14.158.182	1.007.815.416
Doanh thu thuần khác	2.420.569.120	1.331.536.717
	<u>576.349.810.972</u>	<u>458.686.938.030</u>

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	162.582.614.186	138.661.068.156
Chi phí nguyên vật liệu	52.679.763.046	30.261.496.157
Chi phí khấu hao TSCĐ	28.258.634.751	21.920.742.820
Chi phí công cụ, dụng cụ	22.299.298.235	23.038.705.614
Chi phí thuê	6.298.558.856	6.083.672.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.768.216.508	23.706.092.573
Khác	25.796.772.120	25.537.492.685
	<u>339.683.857.702</u>	<u>269.209.270.801</u>

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Lãi cho vay	1.197.434.567	9.362.200.507
Lãi tiền gửi	3.629.501.414	152.402.949
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	519.101
	<u>4.826.935.981</u>	<u>9.515.122.557</u>

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền vay	40.499.126.947	35.271.345.712
Chiết khấu thanh toán	1.854.932.335	-
Chi phí phát hành trái phiếu	964.521.183	573.879.996
Khác	5.677.385	83.020.585
	<u>43.324.257.850</u>	<u>35.928.246.293</u>

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	6.943.041.468	4.404.547.082
Chi phí tuyển sinh	2.928.301.345	1.554.064.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.190.534.045	648.958.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.448.671	468.699.924
Chi phí công cụ, dụng cụ	125.827.493	985.481
Chi phí nguyên vật liệu	43.874.581	-
Chi phí thuê	7.477.128	-
Khác	2.254.081.642	646.576.768
	<u>13.700.586.373</u>	<u>7.723.832.849</u>

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	79.340.125.825	64.959.648.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.931.460.311	8.805.872.264
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	8.619.778.083	6.182.066.450
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.179.201.387	6.456.343.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.702.770.110	8.031.956.143
Chi phí thuê	2.837.282.387	4.764.471.507
Chi phí nguyên vật liệu	2.435.747.329	1.572.362.258
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	363.889.800	(192.236.687)
Khác	10.038.530.830	16.624.016.666
	<u>135.448.786.062</u>	<u>117.204.500.149</u>

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 10% đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động giáo dục và đào tạo và thuế suất 20% đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác.

Miễn giảm thuế

Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến 2015) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến 2019).

Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến 2015) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến 2019).

Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến 2014) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến 2019).

Trường Mầm non ABI Đồng Nai được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2022 đến 2026).

Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2 được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến 2022) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến 2027).

Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến 2022) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến 2027).

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành (tiếp theo)

Miễn giảm thuế (tiếp theo)

Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2022 đến 2026).

Trường Mầm non TTC Cao cấp Sài Gòn được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 5 năm.

Tất cả các ưu đãi miễn giảm thuế nêu trên không áp dụng với các khoản thu nhập chịu thuế phát sinh từ các hoạt động ngoài giáo dục và đào tạo. Thu nhập chịu thuế phát sinh từ các hoạt động ngoài giáo dục và đào tạo chịu mức thuế suất phổ thông là 20%.

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông 20% áp dụng như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	44.811.656.826	35.912.361.833
Thuế tính ở thuế suất 10%	11.989.490.685	8.724.687.477
Thuế tính ở thuế suất 20%	(15.016.650.005)	(9.052.012.469)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	1.191.836.097	118.308.332
Dự phòng thiếu/(thừa) của các năm trước	436.988.016	(76.159.400)
Thuế được miễn hoặc giảm	(3.184.978.579)	(1.308.860.307)
Sử dụng lỗ tính thuế mà năm trước chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(372.645.179)	(15.660.647)
Lỗ tính thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15.515.989.967	9.830.839.377
Chi phí thuế TNDN (*)	10.560.031.002	8.221.142.363
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	10.631.570.255	8.369.249.129
Thuế TNDN - hoãn lại	(71.539.253)	(148.106.766)
Chi phí thuế TNDN	10.560.031.002	8.221.142.363

(*) Chi phí thuế TNDN trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(b) Thuế TNDN hoãn lại

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm/giai đoạn phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
Năm tài chính kết thúc 31.12.2015	Chưa quyết toán	2.576.198.450	(96.179.385)	2.480.019.065
Giai đoạn từ 1.1.2016 đến 30.6.2016	Đã quyết toán	6.013.227.290	-	6.013.227.290
Giai đoạn từ 1.1.2016 đến 30.6.2016	Chưa quyết toán	417.169.004	(417.169.004)	-
Năm tài chính kết thúc 31.12.2016	Chưa quyết toán	3.558.292.210	-	3.558.292.210
Giai đoạn từ 25.4.2017 đến 30.6.2017	Đã quyết toán	38.702.666	(38.702.666)	-
Năm tài chính kết thúc 30.6.2017	Đã quyết toán	27.774.440.952	-	27.774.440.952
Năm tài chính kết thúc 31.12.2017	Chưa quyết toán	275.556.369	-	275.556.369
Năm tài chính kết thúc 31.12.2017	Chưa quyết toán	2.656.225	(1.868.745)	787.480
Năm tài chính kết thúc 30.6.2018	Đã quyết toán	12.359.924.633	-	12.359.924.633
Năm tài chính kết thúc 30.6.2018	Chưa quyết toán	22.164.718.485	-	22.164.718.485
Giai đoạn từ 26.6.2017 (ngày thành lập) đến 30.6.2018	Đã quyết toán	621.924.642	(621.924.642)	-
Giai đoạn từ 12.12.2017 đến 30.6.2018	Chưa quyết toán	310.235.595	-	310.235.595
Giai đoạn từ 01.01.2018 đến 30.06.2018	Chưa quyết toán	15.053.509.350	-	15.053.509.350
Năm tài chính kết thúc 30.6.2018	Chưa quyết toán	396.092.222	(336.684.751)	59.407.471
Giai đoạn từ 31.08.2018 đến 30.6.2019	Chưa quyết toán	964.405.005	-	964.405.005
Năm tài chính kết thúc 30.6.2019	Chưa quyết toán	1.501.560.981	-	1.501.560.981
Năm tài chính kết thúc 30.6.2019	Chưa quyết toán	333.427.875	-	333.427.875
Năm tài chính kết thúc 30.06.2019	Chưa quyết toán	668.838.993	-	668.838.993
Giai đoạn từ 28.5.2018 đến 30.6.2019	Chưa quyết toán	153.361.374	-	153.361.374
Giai đoạn từ 10.8.2018 đến 30.6.2019	Chưa quyết toán	359.937.626	-	359.937.626
Năm tài chính kết thúc 30.6.2019	Chưa quyết toán	892.931.599	-	892.931.599

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(b) Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

32 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	248.865.781.479	208.025.263.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.890.210.864	33.160.923.761
Chi phí nguyên vật liệu	55.159.384.956	31.833.858.415
Chi phí khấu hao TSCĐ	36.168.853.532	30.633.637.566
Chi phí công cụ, dụng cụ	30.604.327.115	29.496.034.321
Chi phí thuê	9.143.318.371	10.848.144.303
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	8.619.778.083	6.182.066.450
Chi phí tuyển sinh	2.928.301.345	1.554.064.670
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	363.889.800	(192.236.687)
Chi phí khác	38.089.384.592	42.595.847.440
	<u>488.833.230.137</u>	<u>394.137.603.799</u>

33 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT")

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Mua tài sản trong năm nhưng chưa được trả bằng tiền	9.085.277.830	-
Xóa sổ khoản nợ khó đòi	15.616.951.369	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần	10.193.476.524	6.568.711.349
	<u>34.895.705.723</u>	<u>6.568.711.349</u>

(b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Phát hành trái phiếu thường	-	229.673.879.996
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	297.600.000.000	-
Vay theo kế ước thông thường	36.959.925.150	22.295.008.291
	<u>297.600.000.000</u>	<u>229.673.879.996</u>

33 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”) (tiếp theo)

(c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
Trả tiền gốc vay theo kế ước thông thường	60.072.920.796	66.176.265.290

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2019 VND	2018 VND
i) Các khoản chi cho quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	24.772.058.691	18.907.805.201
ii) Phát hành trái phiếu chuyển đổi		
Một thành viên Hội đồng Quản trị	300.000.000.000	-
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
	30.6.2019	30.6.2018
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))		
Ban Tổng Giám đốc	34.719.715	14.197.495.769

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động văn phòng không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2019 VND	2018 VND
Dưới 1 năm	14.591.174.915	14.974.647.478
Từ 1 đến 5 năm	33.270.921.938	33.070.131.224
Trên 5 năm	110.816.648.105	10.325.900.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	158.678.744.958	58.370.678.700

36 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu đầu tư xây dựng và tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2019 VND	2018 VND
Cam kết vốn đầu tư, xây dựng	-	30.191.988.630
Nâng cấp sửa chữa trường và khuôn viên của trường	-	1.453.890.929
	<u>-</u>	<u>31.645.879.559</u>

37 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 15 tháng 8 năm 2019.



Nguyễn Thị Hương
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Đương Thục Linh
Tổng Giám đốc



SAVE OUR PLANET CAMPAIGN

April 2019 - Forever

Một chiến dịch toàn diện và kiên trì của chúng tôi vì một hành tinh sạch và không nhựa cho thế hệ mai sau.

6 cách để hạn chế sử dụng sản phẩm từ nhựa





www.ttc.edu.vn



- f** **TTC Edu:** facebook.com/ttc.edu.vn/
- f** **Hệ thống Trường Mầm non TTC Edu:** facebook.com/mamnonttcedu/
- f** **Hệ thống Trường Mầm non TTC Elite:** facebook.com/mamnonttcelite/
- f** **Trường THPT Lê Quý Đôn - Tân Mai:** facebook.com/truonglequydon.tanmai/
- f** **Trường TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng:** facebook.com/truonglequydon.quyethang/
- f** **Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân:** facebook.com/truonglequydon.longbinhtan/
- f** **Trường Trịnh Hoài Đức - Đồng Nai:** facebook.com/truongtrinhhoaiduc/
- f** **Trường TH-THCS-THPT Tân Phú:** facebook.com/truongtanphu/
- f** **Trường THPT Yersin Đà Lạt:** facebook.com/truongyersindalat/
- f** **Trường TH-THCS-THPT Thái Bình Dương:** facebook.com/GlobalDongnai/
- f** **Trường TH-THCS-THPT TTC Tây Ninh:** facebook.com/GlobalTayninh/
- f** **Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi:** facebook.com/SonadeziCollege/
- f** **Trường Đại học Yersin Đà Lạt:** facebook.com/YersinUniversity/